



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**  
**PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOINT STOCK COMPANY**

Trụ sở chính: Lầu 4 Petrovietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 39100108 - Fax: (84-8) 39100097 - Website: www.pgs.com.vn



ĐỂ VƯỢT XA HƠN

**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN**

**2012**





## SỨ MỆNH

Xây dựng PVGas South trở thành Công ty kinh doanh LPG, CNG đứng đầu khu vực miền Nam và phát triển ra thị trường khu vực Đông Nam Á.

## TÂM NHÌN

Là doanh nghiệp đầu mối kinh doanh LPG/CNG tại thị trường miền Nam, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành.





# Mục lục

## THƯ GỬI CỔ ĐÔNG

### GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

- 09 Thông tin khái quát
- 10 Lịch sử hình thành và phát triển
- 12 Những giải thưởng tiêu biểu
- 13 Lĩnh vực hoạt động, địa bàn kinh doanh
- 15 Một số sản phẩm chính
- 16 Năng lực kinh doanh
- 19 Vị thế công ty
- 20 Mô hình hoạt động
- 23 Tổ chức và nhân sự
- 25 Thông tin Ban lãnh đạo

### PHÁT HUY NGUỒN LỰC

- 31 Tình hình sản xuất kinh doanh
- 33 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 34 Tình hình tài chính

### NÂNG TẦM GIÁ TRỊ

- 40 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 42 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

### KẾT NỐI NỘI LỰC

- 48 Các Công ty có liên quan
- 52 Hệ thống phân phối

### QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ

- 54 Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 56 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 58 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS, BTGD
- 59 Thông tin Cổ phần và Cổ đông
- 61 Quản trị rủi ro

### ĐỂ VƯỢT XA HƠN

- 64 Định hướng phát triển
- 66 Kế hoạch năm 2013

### GIÁ TRỊ CỔ ĐÔNG VÀ LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG

- 70 Quan hệ nhà đầu tư
- 70 Hoạt động xã hội

### GẶT HAI THÀNH CÔNG

- 73 Ý kiến kiểm toán
- 74 Báo cáo tài chính hợp nhất

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

**LPG:** Khí hóa lỏng (hay còn gọi là Gas)

**CNG:** Khí nén thiên nhiên

**CP:** Giá hợp đồng do Công ty Aramco Ả Rập công bố vào đầu mỗi tháng và áp dụng cho tháng giao hàng

**Khí khô:** Sản phẩm khí thu được từ khí thiên nhiên hay khí đồng hành

**PVN:** Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam

**PVGas:** Tổng Công ty Khí Việt Nam

**PVGas D:** Công ty cổ phần Khí thấp áp

**PVGas South:** Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam

**CNG VietNam:** Công ty cổ phần CNG Việt Nam

**VT-Gas:** Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam

**PVGas SaiGon:** Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông

**PVGas Cylinder:** Công ty cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam

**ĐHCD:** Đại Hội Cổ Đông

**ĐHĐCD:** Đại Hội Đồng Cổ Đông

**CB-CNV:** Cán bộ công nhân viên

# THƯ GỬI CỔ ĐÔNG

## Kính thưa Quý vị Cổ đông và các Nhà đầu tư,

Năm 2012, Công ty cổ phần Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South, mã chứng khoán: PGS) triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế của đất nước và thế giới còn nhiều khó khăn. Tình hình thế giới biến động phức tạp, bất ổn chính trị ở Trung Đông, khủng hoảng nợ công tại khu vực đồng tiền chung Châu Âu đã ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu. Trong nước, những tháng đầu năm nền kinh tế đã chứng kiến không ít những tình cảnh khó khăn cho các doanh nghiệp như hàng hóa tồn kho, sức mua kém, thiếu hụt nguồn vốn, lãi suất cao, nhiều doanh nghiệp phải giải thể, thu hẹp hoạt động.



Ông Nguyễn Sĩ Thắng | Chủ tịch HĐQT PV Gas South

Trong bối cảnh chung có nhiều sự biến động phức tạp của nền kinh tế thế giới và trong nước, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam cũng gặp nhiều khó khăn nội tại như: 1/. Trong 6 tháng đầu năm 2012, giá CP (Contractual Price) đã có những biến động mạnh theo chiều hướng không thuận lợi cho hoạt động kinh doanh LPG và cả CNG. Việc giá tăng nhanh và sau đó giảm sâu trong tháng 07/2012, đã làm cho sản lượng tiêu thụ LPG trong 6 tháng đầu năm 2012 khá thấp, đồng thời vào tháng 05 và tháng 08/2012, Nhà máy lọc dầu Dung Quất tạm ngừng hoạt động để bảo dưỡng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn hàng của PVGas South, tình hình kinh doanh LPG trên thị trường ngày càng gặp nhiều khó khăn, 2/. Theo lộ trình tăng giá khí khô từ PVGas, giá bán khí khô từ Tổng Công ty cho các đơn vị thành viên sẽ tăng dần hàng năm, để đến 2015 giá khí khô trong nước sẽ bằng giá thế giới. Trong năm 2012, giá khí khô đầu vào đã tăng trung bình 28% so với cùng kỳ năm trước từ 6,55 USD/MMBTU lên 8,4 USD/MMBTU. Trong khi đó giá bán CNG trung

## Ý chí không rào cản ...

bình chỉ đạt 14 USD/MMBTU trong 6 tháng đầu năm 2012, khá thấp so với cùng kỳ năm trước là 15,2 USD/MMBTU do diễn biến giá LPG có xu hướng giảm mạnh trong những tháng đầu năm (60% giá CNG đầu ra được chiết khấu theo giá LPG), đã tác động kép không chỉ đến giá bán LPG mà còn đến giá CNG. Trong 6 tháng cuối năm 2012, mặc dù giá bán CNG đã tăng hơn năm ngoái khi diễn biến giá LPG đã tích cực hơn, nhưng tình hình tiêu thụ CNG trong năm 2012 đã gặp phải những khó khăn do nhu cầu sử dụng CNG của nhóm khách hàng lớn của PVGas South thuộc ngành sản xuất nguyên vật liệu xây dựng (gạch men, sắt thép và kính, hóa chất...) đang giảm sút. Hàng tồn kho của nhóm doanh nghiệp này còn khá nhiều khiến việc tiêu thụ CNG cũng ít hơn so với mọi năm... Những khó khăn trên đã tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh các ngành hàng của Công ty.

**Trong điều kiện đó, đánh giá những kết quả đã đạt được trong năm 2012, có thể nói, PVGas South đã có sự nỗ lực để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do HĐQT đề ra, cụ thể:**

### Những điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2012

Sản lượng LPG tiêu thụ đạt <b>250.921 Tấn</b>	Dòng tiền hoạt động đạt <b>362,94 tỷ đồng</b>
Sản lượng CNG tiêu thụ đạt <b>116,8 triệu m<sup>3</sup></b>	Đầu tư xây dựng <b>79,81 tỷ đồng</b>
Doanh thu thuần đạt <b>6.441,71 tỷ đồng</b>	Cổ tức <b>12%</b>
Lợi nhuận trước thuế đạt <b>255,06 tỷ đồng</b>	EPS đạt <b>3.981 đồng/cp</b>

Trong năm 2013, dự báo tình hình kinh tế - xã hội sẽ còn khó khăn, thị trường LPG vẫn tiếp tục cạnh tranh gay gắt giữa các hãng kinh doanh LPG. Chính sách quản lý của Nhà nước về ngành LPG chưa hoàn thiện và chưa kiểm soát chặt chẽ nên còn xảy ra chiết nạt LPG lậu, cấp phép kinh doanh không dựa vào quy hoạch, tạo ra thị trường kinh doanh LPG chưa lành mạnh. Đối với mảng hoạt động khí CNG, tình hình tiêu thụ khí ở phân khúc hộ công nghiệp được dự báo vẫn còn khó khăn do suy thoái kinh tế, các khách hàng sử dụng khí CNG phải giảm sản lượng sản xuất do lượng hàng tồn kho lớn không tiêu thụ được trong khi giá nhiên liệu liên tục tăng cao nên sản lượng sử dụng khí CNG giảm mạnh. Giải pháp cho thời gian tới là 1/. Tăng cường, tập trung công tác bán lẻ LPG tại khu vực thị trường PVGas South quản lý, chú trọng mở các cửa hàng bán lẻ trực tiếp, giảm thiểu bán LPG ở các khâu trung gian để tăng hiệu quả kinh doanh, giữ vững thị trường hiện có, 2/. Chỉ đạo đầu tư phát triển thị trường CNG công nghiệp và giao thông vận tải, phấn đấu năm 2013 đạt sản lượng 125 triệu m<sup>3</sup> (PVGas South 65 triệu m<sup>3</sup>; CNG VietNam 60 triệu m<sup>3</sup>), 3/. Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh an toàn các kho, trạm LPG, CNG hiện có của Công ty.

Với lợi thế về kinh nghiệm, thị trường, hệ thống khách hàng truyền thống cùng sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của PVGas và chiến lược phát triển bền vững, Hội Đồng Quản Trị tin tưởng rằng PVGas South sẽ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh năm 2013 và các năm tiếp theo.

Thay mặt Hội Đồng quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến các Quý vị Cổ Đông và các nhà Đầu tư đã tin tưởng và ủng hộ PVGas South. Trân trọng ghi nhận những nỗ lực cố gắng của Tập thể PVGas South, các đơn vị thành viên, các chi nhánh đã cùng nhau đoàn kết, vượt qua những giai đoạn khó khăn để cùng Ban lãnh đạo Công ty vững vàng chèo lái con tàu PVGas South tiến lên phía trước. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của PVGas South.

Chào thân ái và thắng lợi!

**TS. NGUYỄN SĨ THẮNG**  
Chủ tịch HĐQT PV Gas South



## GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
- ❖ Những giải thưởng tiêu biểu
- ❖ Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
- ❖ Một số sản phẩm chính
- ❖ Năng lực kinh doanh
- ❖ Vị thế của Công ty
- ❖ Mô hình hoạt động
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Thông tin Ban lãnh đạo

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM (PV Gas South)

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOINT STOCK COMPANY



ISO 9001:2000  
OHSAS 18001:1999

**Trụ sở chính:** Lầu 4, tòa nhà PetroVietnam,  
Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM  
**Điện thoại:** (84.8) 39100108  
**Fax:** (84.8) 39100097  
**Website:** <http://www.pgs.com.vn>  
**Giấy chứng nhận ĐKKD:** 0305097236  
**Vốn điều lệ:** 380.000.000.000 đồng  
**Mã chứng khoán:** PGS  
**Ngày niêm yết trên Hasc:** 15/11/2007





## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### - Việc thành lập Công ty

Tiền thân của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam là Xí nghiệp Kinh doanh các sản phẩm Khí miền Nam trực thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí (PVGas) được thành lập theo Quyết định số 389/QĐ-HĐQT ngày 28/03/2000 của Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

Ngày 12/04/2006 Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) ký Quyết định số 825/QĐ-DKVN về việc thành lập Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South) trên cơ sở Xí nghiệp Kinh doanh các sản phẩm Khí miền Nam trực thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí (PVGas) và Bộ phận Kinh doanh Khí hóa lỏng của Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim);

### - Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần

Ngày 30/06/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ký Quyết định số 1697/QĐ-BCN về việc Cổ phần hóa PVGas South;

Ngày 20/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ký Quyết định số 3734/QĐ-BCN về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam thành Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam;

Ngày 23/07/2007, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tiến hành ĐHCĐ lần đầu.

Sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 25/07/2007.

### - Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (Hastc)

Thực hiện Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị Công ty đã triển khai thực hiện các bước theo đúng quy định để niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội. Được đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí tư vấn, Công ty đã hoàn thiện Bản cáo bạch và các hồ sơ pháp lý để niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán.

Ngày 09/11/2007, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Hà Nội đã có quyết định số 10/2007/GCNCP-TTLK về việc đồng ý lưu ký tập trung cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm.

Ngày 09/11/2007, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 10/GDN-TTGDHN về việc chấp thuận cho cổ phiếu của Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 15/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PGS.

### - Phát triển và tăng trưởng bền vững

Tính từ thời điểm sau khi cổ phần hóa, đến nay mạng lưới kinh doanh của PVGas South phủ khắp các tỉnh từ Đà Nẵng tới Cà Mau. Hiện nay, sản lượng kinh doanh LPG của Công ty đã đạt gần 200.000 tấn/năm, kinh doanh CNG đạt trên 150 triệu m<sup>3</sup>/năm và doanh thu đạt trên 4.000 tỷ/năm và sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh trong thời gian tới.





## NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2012



**Huân chương lao động Hạng Nhì, năm 2012**



**Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua, năm 2012**

## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### • Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh LPG, CNG và các sản phẩm Dầu khí.

Tổ chức hệ thống phân phối, vận chuyển, đóng bình kinh doanh LPG và các vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh vận tải đường bộ, đường thủy.

Thiết kế, xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí; chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng.

Cung cấp dịch vụ liên quan đến Khí hóa lỏng và các sản phẩm Khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải.

Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và kinh doanh Khí hóa lỏng.

Kinh doanh xăng dầu, nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng dầu, nhớt.

Mua bán phân bón. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.





## • Địa bàn kinh doanh:

Để phục vụ cho mục tiêu phát triển thị trường, chủ động trong nguồn hàng và phục vụ nhu cầu của khách hàng, hiện PVGas South đang triển khai đầu tư xây dựng hệ thống các kho chứa, trạm nạp khí hóa lỏng trên địa bàn các tỉnh phía Nam. Hiện nay mạng lưới kinh doanh LPG của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh từ Đà Nẵng tới Cà Mau.

Trong đó, thị trường bán bình ở Tp. Hồ Chí Minh và miền Đông Nam bộ vẫn là thị trường chủ lực chiếm khoảng 50% sản lượng bán bình của Công ty. Với một thị trường lớn như Tp. Hồ Chí Minh, Công ty đã chú trọng xây dựng hệ thống chiết nạp vệ tinh phân bố đều khắp thị trường miền Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ; đồng thời xây dựng hệ thống tổng đại lý phân phối Gas, định kỳ gặp gỡ trao đổi các chính sách nhằm củng cố, đẩy mạnh và thống nhất mặt bằng giá cả, tăng cường hệ thống phân phối và khả năng cạnh tranh.

Hoạt động kinh doanh CNG của PVGas South với tổng công suất thiết kế là 180 triệu m<sup>3</sup> khí/năm. Trong đó, Công ty mẹ PVGas South với việc quản lý 3 trạm mẹ là CNG Mỹ Xuân A (Bà Rịa – Vũng Tàu), Hiệp Phước (Tp.HCM) và một trạm nén mẹ Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) của Công ty con CNG VietNam. Cả PVGas South và CNG VietNam đều tập trung cung cấp CNG cho các khách hàng tiêu thụ là các hộ công nghiệp lớn như thép, vật liệu xây dựng, gạch, gốm sứ... tại khu vực phía Nam, có khoảng cách vận chuyển từ nhà máy đến nơi tiêu thụ hợp lý trong khoảng dưới 200 km. Chính sách phân phối khí nén CNG hiện nay rất linh hoạt, tùy thuộc vào đặc điểm và yêu cầu nhận khí của khách hàng, phương tiện vận chuyển bồn có thể di chuyển vào những khu vực có địa hình phức tạp.



## Các vị trí của Trạm mẹ CNG



## Các vị trí của Trạm mẹ CNG



## MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH



Bình 12kg

Bình 12 kg chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng LPG ở quy mô nhỏ, lẻ như sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, quán ăn nhỏ, cho các hộ sản xuất sử dụng nguyên liệu gas nhỏ.



Bình 45kg

Bình 45kg chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng ở quy mô nhỏ nhưng mật độ sử dụng nhiều như ở các nhà hàng, khách sạn, trường học, bếp ăn tập thể, các xưởng sản xuất có quy mô nhỏ hoặc vừa.

## Khí nén CNG



Là khí thiên nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH<sub>4</sub> - metane (chiếm 85%- 95%) được lấy từ những mỏ khí thiên nhiên, mỏ dầu (khí đồng hành) hoặc khí nhà máy (thu được trong quá trình sản xuất của các nhà máy lọc dầu), qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar) để tồn trữ vào bồn chuyên dụng và vận chuyển tới các hộ tiêu thụ là các nhà máy có sử dụng nhiệt năng, các khu chung cư.....



## NĂNG LỰC KINH DOANH

Từ khi chuyển sang mô hình cổ phần, PVGas South đã quy hoạch hệ thống trạm chiết nạp đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025. Hiện nay PVGas South có 28 trạm chiết nạp gas với tổng công suất 24.580 tấn/tháng từ Đà Nẵng đến Cà Mau, trong đó có 13 trạm thuộc sở hữu của PVGas South với tổng công suất 7.800 tấn/tháng.

Song song với hoạt động kinh doanh, PVGas South hoàn thành xây dựng kho chứa dầu mỗi tại Cần Thơ với sức chứa 1.200 tấn, hoàn thành đầu tư kho Gò Dầu tại Đồng Nai với sức chứa của kho lên 4.000 tấn và tham gia góp vốn (14%) thành lập Công ty cổ phần Năng lượng Vinabenny để xây dựng kho lạnh chứa LPG tại Cảng Long An (Kho chứa Tây Nam) với sức chứa 80.000 tấn, đây cũng là kho chứa LPG lớn nhất tại Việt Nam.

### Hệ thống cầu cảng, kho LPG và trạm chiết của PVGas South tại các tỉnh thành phía Nam



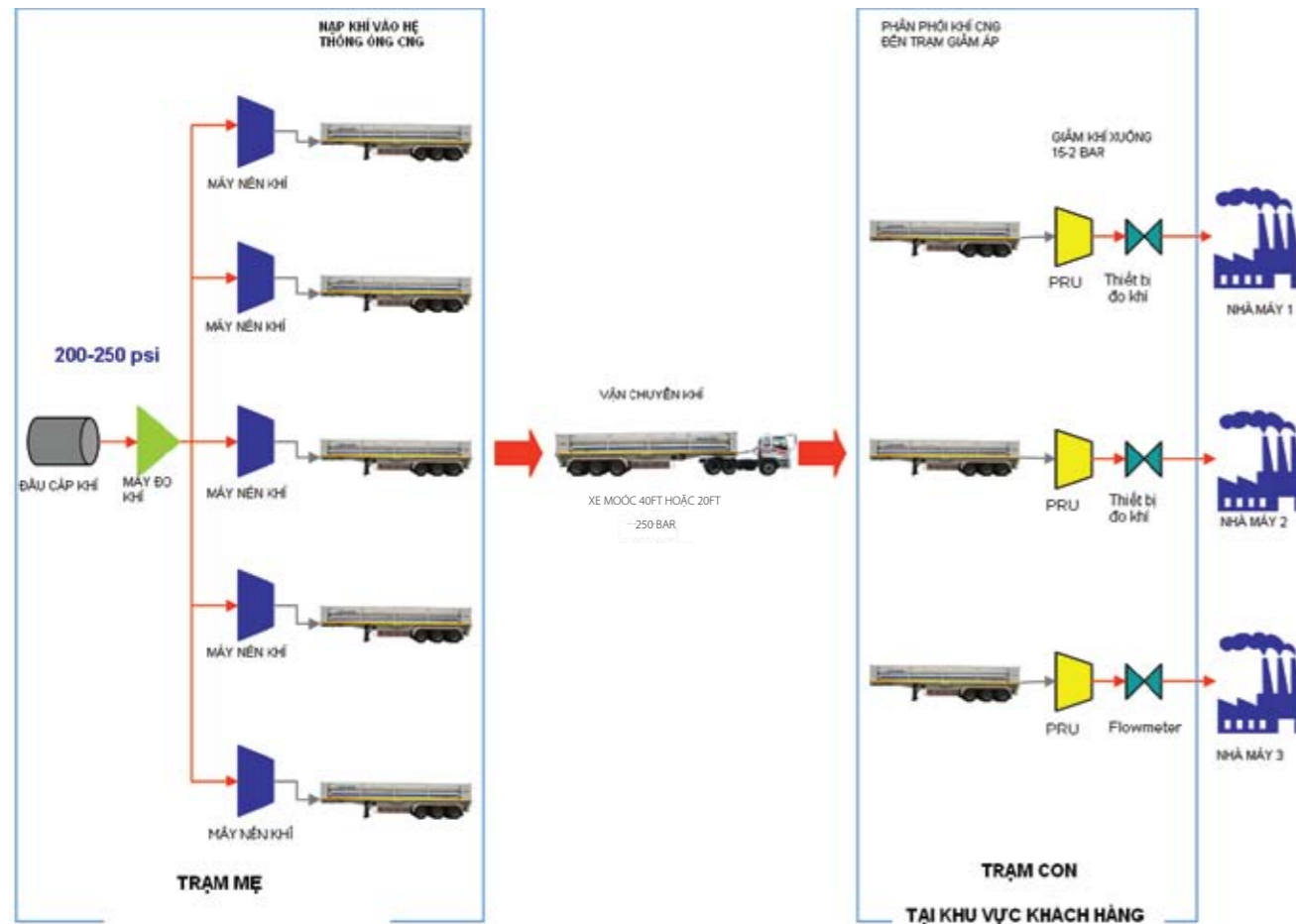
### Danh sách kho chứa và trạm chiết tại PVGas South

STT	Dự án		Tổng dung tích (Tấn)
<b>I. Hệ thống kho chứa, cầu cảng</b>			
1	Kho Cần Thơ	Lô II.5, II.6, Khu CN Trà Nóc II, TP. Cần Thơ	1.200
2	Kho Gò Dầu	Cảng Gò Dầu A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	4.000
3	Kho VT Gas Đồng Nai	Cảng Đồng Nai, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	1.000
4	Kho Dung Quất	Khu CN Phía đông Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	1.500
<b>Tổng cộng</b>			<b>7.700</b>
<b>II. Trạm nạp LPG</b>			
1	Trạm Vĩnh Lộc	Lô D1/1 đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hoà B, Q. Bình Tân, TP. HCM	1.000
2	Trạm Bà Rịa	Quốc lộ 55, khu phố Thanh Bình, Thị Trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	500
3	Trạm Agas	KCN Đông Xuyên, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	600
4	Trạm Cần Thơ	Lô II.5, II.6, Khu CN Trà Nóc II, TP. Cần Thơ	1.000
5	Trạm Tiền Giang	Khu CN Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Tiền Giang	350
6	Trạm Nha Trang	157 Xóm Núi, Xã Vinh Phương, TP. Nha Trang	450
7	Trạm Bình Định	Lô D6-01, KCN Nhơn Hội (Khu A), KKT Nhơn Hội, TP. Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định	450
8	Trạm Đặng Phước	Lô 4, KCN Trà Đa, Xã Trà Đa, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	450
9	Trạm Bình Phước	Lô G, Đường N4, KCN Bắc Đồng Phú, TT Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước	450
10	Trạm JP Gas	262 Nguyễn Lương Bằng, Xã Hòa Thành, Tây Ninh	450
11	Trạm Dak Gas	Km số 11, Quốc lộ 14, Xã Hòa Phú, TP. Buôn Mê Thuột, Dak Lak	600
12	Trạm VT-Gas Đồng Nai	Cảng Đồng Nai, Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	1.100
13	Trạm VT-Gas Nha Trang	Đường số 4, Lô K, KCN Suối Dầu, TP. Nha Trang	400
<b>Tổng cộng</b>			<b>7.800</b>

PVGas South đã đầu tư hệ thống trạm nạp CNG cung cấp cho giao thông vận tải và công nghiệp. Đây là một lĩnh vực mới và đầy tiềm năng. Hiện công suất thiết kế là 150 triệu m<sup>3</sup>, trong đó công ty mẹ - KCN Mỹ Xuân là 80 triệu m<sup>3</sup> và Công ty con CNG Việt Nam - KCN Phú Mỹ là 70 triệu m<sup>3</sup>.



## Dây chuyền cung cấp khí tại PVGas South



## Hệ thống trạm mẹ và trạm con CNG tại PVGas South

Đơn vị quản lý	Dự án	Tổng công suất (Triệu m <sup>3</sup> /năm)	Diễn giải
<b>I. Trạm khí nén CNG mẹ</b>			
Công ty mẹ PVGas South	Trạm CNG KCN Mỹ Xuân	100	Hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2010.
Công ty mẹ PVGas South	Trạm CNG KCN Hiệp Phước	10	Hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn 1 vào năm 2011.
Công ty cổ phần CNG Việt nam	Trạm CNG KCN Phú Mỹ I	70	Hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2010 với công suất ban đầu là 50 triệu m <sup>3</sup> , hiện đã mở rộng thêm.
<b>Tổng cộng</b>			
<b>II. Trạm khí nén CNG con</b>			
		Công suất	
Công ty mẹ PVGas South	Trạm CNG con (trạm nạp khí cho xe buýt) – Phố Quang.	50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2009
Công ty mẹ PVGas South	Trạm con tại 449 Nguyễn An Ninh, Vũng Tàu.	150 xe con/ngày	Đưa vào sử dụng vào cuối năm 2011.
Công ty mẹ PVGas South	Trạm con tại 654 Nguyễn An Ninh, Vũng Tàu.	150 xe con/ngày	Hoàn thành vào giữa 2012.
Công ty mẹ PVGas South	Trạm con tại Tân Kiên, Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.	50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm 2012.
Công ty mẹ PVGas South	Trạm con tại An Sương, TP. HCM	50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2012.
Công ty mẹ PVGas South	Trạm con tại khu vực Phú Mỹ, Vũng Tàu.	100 xe con/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm 2012.

## VỊ THẾ CÔNG TY

Ngay từ khi thành lập, Công ty đã xác định mục tiêu chiến lược là phát triển thành đầu mối kinh doanh LPG tại thị trường miền Nam, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành. Trong thời gian qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã phát triển không ngừng, đã có ảnh hưởng rõ ràng tới thị trường miền Nam, tạo dựng được uy tín cho thương hiệu PV Gas. Thị trường LPG hiện nay do một số các doanh nghiệp lớn nắm giữ, trong đó PVGas South có được một số ưu thế:

### Nhân lực

Đội ngũ vận hành viên của Công ty được đào tạo qua các trường đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành Dầu khí, 100% công nhân vận hành được cấp chứng chỉ về kỹ thuật an toàn vận hành thiết bị chịu áp lực.

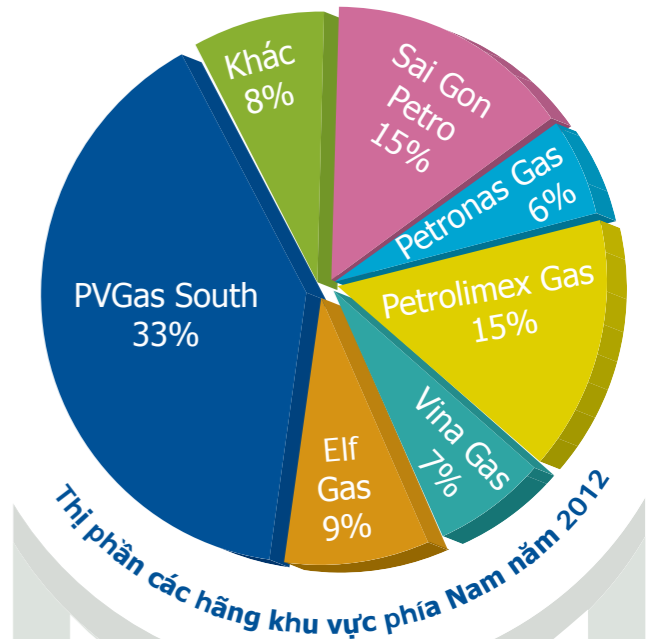
### Công nghệ

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến chất lượng tăng trưởng, đảm bảo an toàn trong sản xuất, kinh doanh. Công ty đang áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và hệ thống quản lý Môi trường theo ISO 14001, đặc biệt Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng thành công hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp (COS) góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tiết kiệm chi phí trong quản lý.

### Vị thế chi phối

Trong bối cảnh thị trường cung cấp LPG dân dụng (LPG bình) và công nghiệp (LPG rời) có sự cạnh tranh gay gắt giữa các Công ty tham gia thị trường, với sự góp mặt của các Công ty nhiên liệu lớn trên thế giới, thị phần PVGas South vẫn đứng đầu trong các Công ty kinh doanh LPG tại miền Nam, ổn định, luôn duy trì ở mức 33% thị phần.

Như vậy, với lợi thế về nguồn hàng và tiềm lực tài chính của mình, PVGas South đã xác định được vị thế của mình là doanh nghiệp có thị phần lớn nhất tại khu vực miền Nam.





## Thương hiệu

Trong những năm qua, Công ty luôn chú trọng tìm tòi và triển khai những chính sách giá cả, chính sách phân phối, chính sách khách hàng hợp lý nhằm hỗ trợ hiệu quả cho công tác kinh doanh, góp phần đưa thương hiệu PETROVIETNAM GAS ngày càng vững mạnh. Khẳng định thương hiệu "PETROVIETNAM GAS" ở vị thế dẫn đầu trong ngành kinh doanh LPG Việt Nam.

Bên cạnh việc kinh doanh Gas, Công ty cũng tiến hành việc kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, nhớt, phân bón và các phụ kiện sử dụng Gas phục vụ sinh hoạt và công nghiệp, lắp đặt bảo hành, bảo trì các hệ thống Gas công nghiệp, góp phần đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng thêm doanh thu cho Công ty.

## Hệ thống phân phối:

Mạng lưới kinh doanh Gas của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh thành phía Nam. Sản lượng bán lẻ Gas dân dụng đạt từ 7.000 tấn đến 8.500 tấn/tháng, sản lượng Gas công nghiệp từ 12.000 tấn đến 14.000 tấn/tháng đã khẳng định được vị trí thương hiệu PetroVietnam Gas trên thị trường phía Nam.

Thị trường bán bình ở Tp.Hồ Chí Minh và miền Đông Nam bộ vẫn là thị trường chủ lực chiếm khoảng 50% sản lượng bán bình của Công ty. Với một thị trường lớn như Tp.Hồ Chí Minh, Công ty đã chú trọng xây dựng hệ thống chiết nạp vệ tinh phân bố đều khắp thị trường miền Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ; đồng thời xây dựng hệ thống tổng đại lý phân phối Gas, định kỳ gặp gỡ trao đổi các chính sách nhằm củng cố, đẩy mạnh và thống nhất mặt bằng giá cả, tăng cường hệ thống phân phối và khả năng cạnh tranh.

## Sự ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty khí Việt Nam

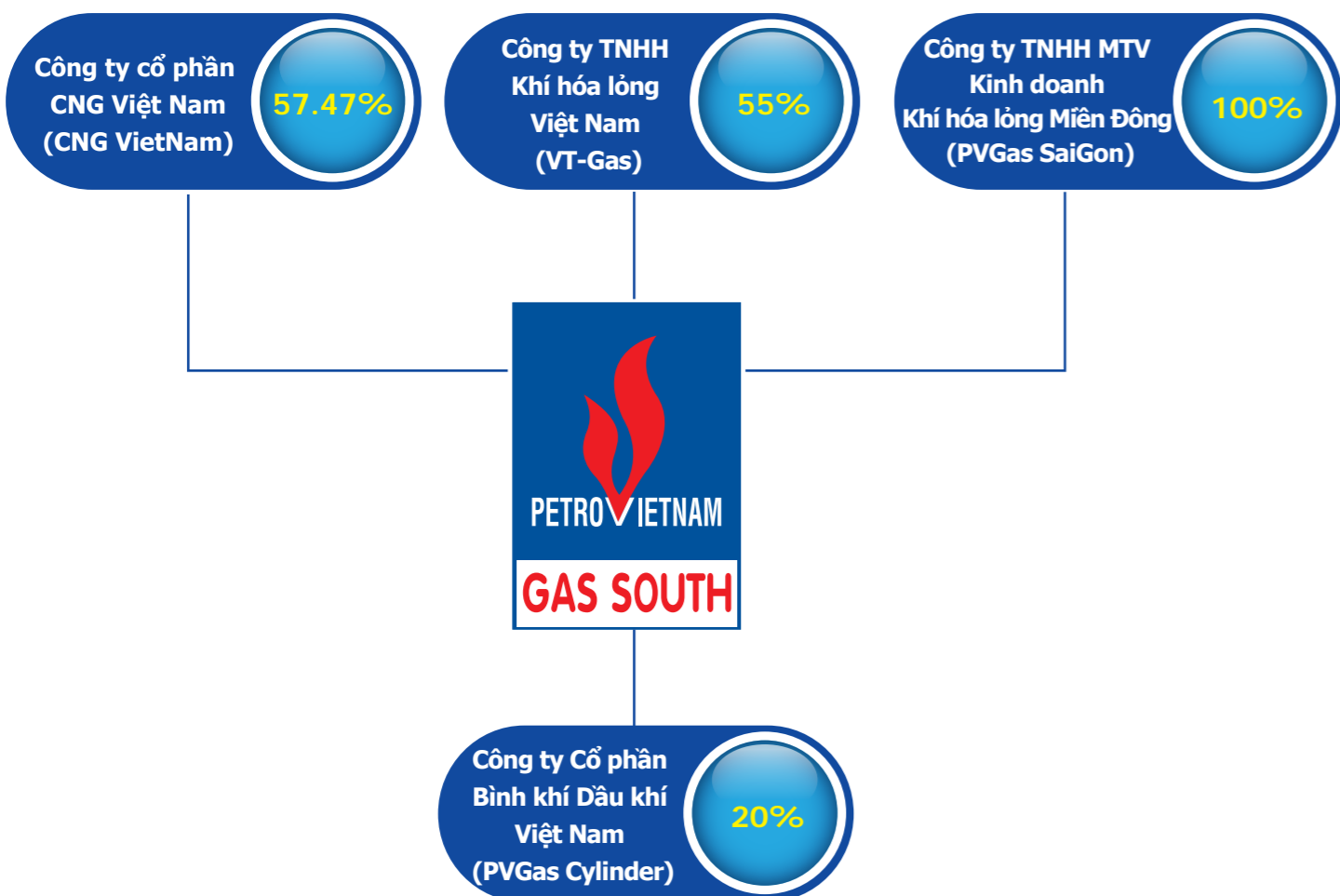
Là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nên Công ty nhận được sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và tham gia vào các dự án cũng như kinh doanh các sản phẩm của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Công ty có cơ hội để tiếp nhận, xử lý và kinh doanh nguồn LPG từ nhà máy Lọc dầu Dung Quất và các nhà máy lọc dầu khác khi đi vào hoạt động để đáp ứng nhu cầu LPG thị trường, tăng tính chủ động nguồn hàng và chủ đạo trong thị trường kinh doanh LPG toàn quốc.

Bên cạnh đó Công ty còn được đảm bảo nguồn nguyên liệu và được ưu đãi khác khi lấy nguyên liệu từ các nhà máy lọc dầu, nhà máy khí trong Tập đoàn. Những thuận lợi trên cùng với việc Công ty hiện nay đang có một thị phần đáng kể (40%) và có hệ thống đại lý phân phối rộng khắp khu vực sẽ đảm bảo cho Công ty có thể ngày càng mở rộng thị trường và phát triển ổn định, bền vững.





## MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

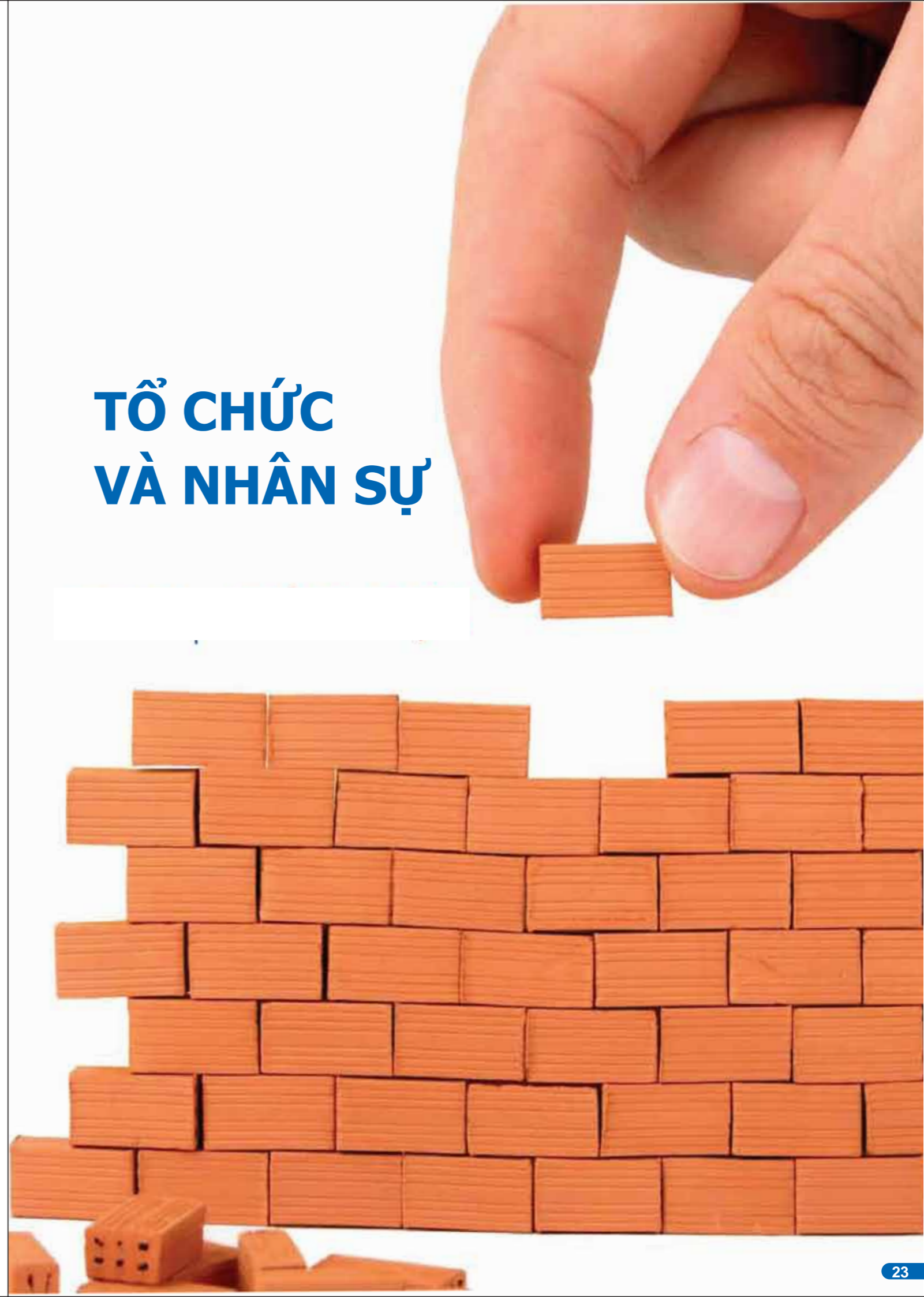


Hiện nay, PVGas South có các Công ty con, liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Loại hình	Tỷ lệ nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	CTCP	57,47%	Kinh doanh CNG
2	Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	TNHH	55%	Kinh doanh LPG
3	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	TNHH	100%	Kinh doanh LPG
4	Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	CTCP	20%	Sản xuất, kinh doanh vỏ bình
5	Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	CTCP	14%	Cho thuê kho LPG

Trong năm 2012, Công ty cổ phần Năng lượng Vinabenny tăng vốn điều lệ nên tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của PVGas South là 14% (Năm 2011 là 23,84%). Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny được xem là khoản đầu tư dài hạn khác thay vì là đầu tư và Công ty liên kết như năm trước.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ





# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



# THÔNG TIN BAN LÃNH ĐẠO



## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1 Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Thắng** - Chủ tịch HĐQT  
 Năm sinh: 1954  
 Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ khoa học kỹ thuật  
 Chuyên ngành máy và thiết bị Dầu khí
- 2 Ông Đoàn Văn Nhuận** - Tv. HĐQT- Tổng Giám đốc  
 Năm sinh: 1963  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư trắc địa
- 3 Ông Vũ Quý Hiệu** - Tv. HĐQT- Phó Tổng Giám đốc  
 Năm sinh: 1977  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Cử nhân kinh tế
- 4 Ông Hà Anh Tuấn** - Tv. HĐQT- Phó Tổng Giám đốc  
 Năm sinh: 1953  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa dầu  
 Cử nhân kinh tế ngoại thương
- 5 Bà Nguyễn Minh Ngọc** - Tv. HĐQT  
 Năm sinh: 1964  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân tiếng Nga - Cử nhân quản lý kinh tế



3



1



2



## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

- 1 **Bà Nguyễn Thục Quyên** - Trưởng Ban Kiểm Soát  
Năm sinh: 1970  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán - Cử nhân anh văn
- 2 **Ông Võ Đình Quang** - Thành viên Ban Kiểm Soát  
Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- 3 **Ông Ngô An Hòa** - Thành viên Ban Kiểm Soát  
Năm sinh: 1984  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán



1 2 3 4 5 6

## GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG

- 1 **Ông Đoàn Văn Nhuận** - Tổng Giám Đốc  
Năm sinh: 1963  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư trắc địa
- 2 **Ông Vũ Quý Hiệu** - Phó Tổng Giám Đốc  
Năm sinh: 1977  
Trình độ chuyên môn:  
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Cử nhân kinh tế
- 3 **Ông Hà Anh Tuấn** - Phó Tổng Giám Đốc  
Năm sinh: 1953  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa dầu  
Cử nhân kinh tế ngoại thương
- 4 **Ông Trần Văn Nghị** - Phó Tổng Giám Đốc  
Năm sinh: 1975  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa vật lý
- 5 **Ông Trần Thanh Nam** - Phó Tổng Giám Đốc  
Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ khoan  
khai thác Dầu khí
- 6 **Ông Nguyễn Đăng Trình** - Kế toán trưởng  
Năm sinh: 1982  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng.



# CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

## Phân loại theo trình độ

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Đại học, Cao đẳng trở lên	364	41,60%
Trung học chuyên nghiệp	107	12,23%
Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	404	46,17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>875</b>	<b>100,00%</b>

## Phân loại theo phân công lao động

Phân công lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Cán bộ lãnh đạo, quản lý	71	8,11%
Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	347	39,66%
Nhân viên phục vụ	15	1,71%
Công nhân các ngành nghề	442	50,51%
<b>Tổng cộng</b>	<b>875</b>	<b>100,00%</b>



## Chính sách lương

Công ty xây dựng và ban hành Quy chế Tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương bình quân năm 2012: 12,6 triệu đồng/người/tháng.

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch Lao động - Tiền lương hàng năm trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh gắn với các mục tiêu chính: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận.

Công ty trả lương cho Người lao động theo kết quả và hiệu quả công việc, sử dụng tiền lương làm động lực để kích thích Người lao động tích cực làm việc, hoàn thành tốt số lượng, chất lượng công việc được giao, tăng năng suất lao động, gia tăng sản lượng và thị phần, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

## Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện tại Công ty PVGas South hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, gồm có ba Công ty thành viên là CNG VietNam, VT-Gas, PVGas SaiGon và 10 Chi nhánh trực thuộc phân vùng quản lý và phát triển thị trường kinh doanh phía Nam từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

Năm 2012, Công ty thành lập Chi nhánh Bình Định và đi vào hoạt động từ tháng 04/2012.

## Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Mục tiêu tuyển dụng của PVGas South là thu hút người lao động có năng lực làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Hạn chế đối đa việc tăng về số lượng tuyệt đối số lao động trong Công ty, song Công ty vẫn đặt ra chỉ tiêu tuyển dụng thêm một số cán bộ, chuyên gia thực sự có năng lực chuyên môn, đặc biệt là về kỹ thuật và marketing.

Để chuẩn bị nguồn nhân lực cho các chức danh kế thừa, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ. Trong năm 2012 Công ty đã cử 715 lượt người tham dự các khóa đào tạo, trong đó chủ yếu là đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho người lao động.

**Tổng số CB-CNV toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2012 (gồm Công ty mẹ và các Công ty con)**

# 875 Nhân viên

## Chính sách khen thưởng, phúc lợi

ĐHCD Công ty quyết định mức trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Quỹ khen thưởng được sử dụng để thưởng trực tiếp cho các tập thể và cá nhân Người lao động có thành tích xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Quỹ phúc lợi được chi theo Thỏa ước Lao động tập thể với các chính sách khuyến khích, động viên Người lao động gắn bó, tâm huyết với doanh nghiệp. Ngoài ra, mỗi năm, Công ty còn tổ chức các chuyến nghỉ mát, sinh hoạt tập thể cho nhân viên toàn thể Công ty, tổ chức chào mừng ngày quốc tế thiếu nhi, lễ hội trung thu, khen thưởng học sinh giỏi, xuất sắc, trao học bổng cho con em học giỏi có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân dịp các ngày lễ, Tết ...





## PHÁT HUY NGUỒN LỰC

- ❖ Tình hình sản xuất và kinh doanh
- ❖ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

### • Đặc điểm tình hình

#### Thuận lợi:

- Bên cạnh hệ thống cơ sở vật chất kinh doanh của Công ty được hoàn thành từ các năm trước như Tổng kho LPG Gò Dầu – Đồng Nai, Trạm chiết nạp Tiền Giang, Trạm CNG mẹ - Mỹ Xuân, trạm CNG con – Phổ Quang,... Năm 2012, PVGas South đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đúng kế hoạch các trạm nén (trạm mẹ) và trạm nạp (trạm con) CNG cung cấp cho giao thông vận tải như: Trạm mẹ Hiệp Phước, Trạm con Tân Kiên, Trạm con Nguyễn An Ninh, nên Công ty chủ động trong công tác tồn trữ hàng hóa và khai thác tối đa hiệu quả sử dụng kho chứa, trạm chiết hiện có.

- Hoàn thành việc cải tạo và mở rộng Trạm mẹ Mỹ Xuân nhằm đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh CNG.

- Được sự hỗ trợ của Tập đoàn, Tổng Công ty trong việc đảm bảo cơ bản về nguồn hàng đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và đảm bảo nguồn vốn xây dựng các kho chứa, trạm chiết LPG, CNG.

- Chính sách, pháp luật Nhà nước ngày một hoàn thiện hơn tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, các doanh nghiệp chính đáng có điều kiện thuận lợi để phát triển. Nghị định 107/2009 NĐ - CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng được áp dụng đã tạo tiền đề tốt cho Công ty trong công tác hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất và phát triển hệ thống bán lẻ.

#### Khó khăn:

- Tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ lạm phát và lãi suất cho vay vẫn đang ở mức cao, sản xuất đình trệ, nhiều doanh nghiệp bên bờ vực phá sản. Đối với hầu hết các khách hàng sử dụng khí CNG đều giảm sản xuất do lượng hàng tồn kho lớn không tiêu thụ được trong khi giá nhiên liệu liên tục tăng cao nên sản lượng sử dụng khí CNG giảm mạnh, các khách hàng sản xuất thép giảm khoảng 25% sản lượng, gạch men, gốm sứ giảm hơn 15% sản lượng so với cùng kỳ năm 2011; một số khách hàng chấm dứt hợp đồng để chuyển sang sử dụng nhiên liệu giá rẻ hơn;

- Từ tháng 01/2012 đến tháng 03/2012 giá CP thế giới liên tục biến động bất thường theo chiều hướng tăng cao đột biến vào những thời điểm cuối tháng nên sản lượng tiêu thụ sụt giảm, một số khách hàng công nghiệp tiêu thụ LPG chuyển sang sử dụng nhiên liệu thay thế với giá thành rẻ hơn như điện, than... Từ tháng 04/2012 đến tháng 06/2012 giá CP thế giới liên tục giảm mạnh, đồng thời vào tháng 05 và tháng 08/2012, Nhà máy lọc dầu Dung Quất tạm ngừng hoạt động để bảo dưỡng ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn hàng của PVGas South, tình hình kinh doanh LPG trên thị trường ngày càng gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình gian lận thương mại trong kinh doanh LPG vẫn tồn tại ở hầu hết các khu vực thị trường, trong khi khung xử phạt vi phạm như hiện nay không đủ mạnh nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của PVGas South.





## - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Mặc dù, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 gặp nhiều khó khăn từ những biến động của nền kinh tế vĩ mô và sự cạnh tranh của các đối thủ tham gia thị trường. Tuy nhiên, Công ty vẫn quyết tâm duy trì sản lượng và không ngừng gia tăng thị phần, tích cực nghiên cứu và triển khai các dự án đầu tư mở rộng nhằm phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động được nguồn hàng cung cấp và góp phần bình ổn giá LPG trong nước.

Trong những điều kiện nêu trên, kết quả kinh doanh của Công ty năm 2012 đã đạt được kết quả khích lệ, PVGas South đã vượt các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách Nhà nước. Tổng kết năm 2012, PVGas South đạt hơn 6.375 tỷ đồng về doanh thu thuần, đạt 105,41% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 255 tỷ đồng, đạt 126,14% kế hoạch, lũy kế cả năm lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ đạt 151 tỷ đồng.

### Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh 2012

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ % TH/KH
<b>1</b>	<b>Sản lượng kinh doanh hợp nhất</b>				
	Sản lượng LPG	Tấn	263.020	250.921	95,40%
	- LPG bình (dân dụng)	Tấn	138.000	139.116	100,81%
	- LPG rời (công nghiệp)	Tấn	125.020	111.805	89,43%
	Sản lượng CNG	M <sup>3</sup>	126.000.000	116.761.454	92,67%
	Sản lượng Xăng dầu	Lít	5.000.000	5.492.886	109,86%
<b>2</b>	<b>Sản lượng kinh doanh công ty mẹ</b>				
	Sản lượng LPG	Tấn	203.020	200.219	98,62%
	- LPG bình (dân dụng)	Tấn	103.020	104.711	101,64%
	- LPG rời (công nghiệp)	Tấn	100.000	95.508	95,51%
	Sản lượng CNG	M <sup>3</sup>	76.000.000	63.708.806	83,83%
	Sản lượng Xăng dầu	Lít	5.000.000	5.492.886	109,86%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính hợp nhất</b>				
	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	6.048	6.375	105,41%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	202	255	126,14%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	179	212	118,44%
	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	150	151	101%
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/CP	4.067	3.981	97,89%
	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	50	43	86,00%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ</b>				
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	738	810	109,76%
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	380	380	100,00%
	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	5.024	5.386	107,21%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	85	169	198,82%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	76	155	203,95%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	20,11%	40,77%	202,73%
	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9	14	155,56%
<b>5</b>	<b>Đầu tư</b>				
<b>a.</b>	<b>Tổng mức đầu tư</b>	Tỷ đồng	218,81	79,81	36,47%
	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	104,81	70,81	67,56%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	14,00	9,00	64,29%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	100,00	0,00	0,00%
<b>b.</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>	Tỷ đồng	218,81	79,81	36,47%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	65,64	28,14	42,87%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	153,17	51,67	33,73%

Hầu hết tất cả các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2012 của PVGas South đều hoàn thành kế hoạch do:

- Các dự án đang triển khai thi công đáp ứng được tiến độ đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn PCCC và đưa vào khai thác đạt hiệu quả.
- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh gas bình, nâng cao hiệu quả của các cửa hàng bán lẻ trực thuộc, quản lý hiệu quả công tác đầu tư vỏ bình mới và vòng quay vỏ bình gas. Duy trì thường xuyên chính sách hợp lý với các khách hàng truyền thống và không ngừng tìm kiếm khách hàng mới.
- Giữ ổn định sản lượng bán LPG rời, triển khai mở rộng thị trường bán CNG cho phương tiện giao thông vận tải.
- Khai thác hiệu quả Tổng kho LPG Gò Dầu, Dung Quất, tăng công suất các trạm chiết nạp của Công ty để chủ động hàng bán và giảm dần chi phí.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các dự án đầu tư mua sắm tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất, mở rộng sản xuất, hệ thống phân phối được triển khai với sự tiến bộ hơn về tiến độ. Trong năm 2012, PVGas South đã đưa vào sử dụng các dự án như:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng các trạm nén (trạm mẹ) và trạm nạp (trạm con) CNG cung cấp cho giao thông vận tải như: Trạm mẹ Hiệp Phước, Trạm con Tân Kiên, Trạm con Nguyễn An Ninh.
- Hoàn thành việc cải tạo và mở rộng Trạm mẹ Mỹ Xuân nhằm đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Triển khai xây dựng trạm chiết nạp Quảng Ngãi đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.



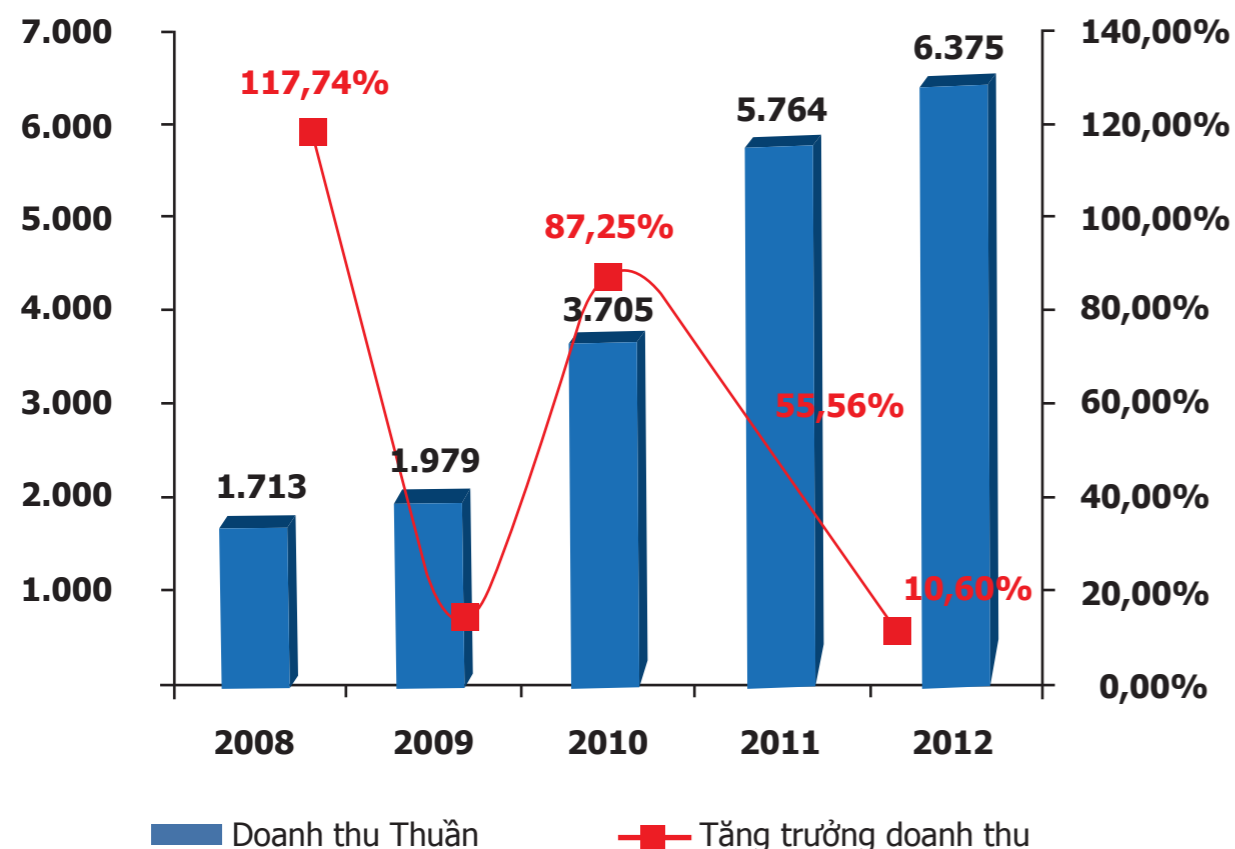


# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh

### Doanh thu thuần:

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Doanh thu của PVGas South phần lớn đến từ sản phẩm LPG, nhưng từ năm 2009, PVGas South được biết đến với mảng kinh doanh mới – khí nén CNG, đã đem lại những thành công bước đầu giúp gia tăng hiệu quả kinh doanh tại mức khá ấn tượng trong những năm vừa qua. Trong năm 2012, doanh thu chỉ đạt mức tăng trưởng thấp hơn các năm trước do: **1.** Diễn biến giá LPG năm 2012 khá biến động theo xu hướng tăng dần theo giá xăng dầu thế giới nên mức tiêu dùng sử dụng sản phẩm bình 45 kg cho mục đích công nghiệp giảm sút, mức độ chuyển đổi sử dụng LPG sang các sản phẩm năng lượng khác tăng... từ đó, nhu cầu tiêu thụ LPG cũng bị ảnh hưởng đáng kể, tác động trực tiếp đến sản lượng kinh doanh LPG của Công ty trong năm 2012, **2.** Kinh doanh CNG có tốc độ tăng trưởng chậm lại trong năm 2012 do khó khăn của nền kinh tế.

### Giá vốn hàng bán:

Là doanh nghiệp kinh doanh thương mại nên giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của Công ty. Tuy nhiên xu hướng giá vốn hàng bán của PVGas South đã cải thiện theo hướng giảm dần do Công ty đã tìm cách giảm tối đa các chi phí và tìm kiếm các nguồn LPG có giá vốn thấp, nâng sức chứa của các kho nhằm chủ động nguồn hàng cung cấp, góp phần bình ổn giá trong những trường hợp có biến động giá đột biến. Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

### Cơ cấu chi phí tại PVGas South 2008 – 2012

Chi tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần	95,30%	92,72%	89,19%	83,33%	84,56%
Trong đó: Chi phí tài chính/ Doanh thu thuần	0,98%	0,93%	1,30%	2,33%	2,28%
Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	0,71%	0,64%	0,87%	2,12%	1,84%
Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần	4,00%	5,13%	4,80%	6,49%	7,98%
Chi phí quản lý DN/ Doanh thu thuần	0,66%	0,63%	1,68%	2,10%	2,09%

### Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Cấu trúc các chi phí chính tại PVGas South so với doanh thu thuần nhìn chung có nhiều sự thay đổi qua các năm trong đó: **1.** Với chiến lược mở rộng thị phần chiếm 50% khu vực phía Nam đến năm 2015 cùng với việc đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa LPG tại Dung Quất, Gò Dầu đã làm tăng khấu hao của Công ty trong thời gian vừa qua, đồng thời cũng làm tăng chi phí lãi vay của PVGas South trong 3 năm gần đây. Tỷ trọng chi phí lãi vay trên doanh thu là 2,08% so với trung bình các năm trước là dưới 1%, **2.** Chi phí bán hàng, do đặc thù và mục tiêu tăng trưởng thị phần tại Công ty từng thời điểm nên việc quản lý bán hàng theo đó cũng phải gia tăng để duy trì thị phần và tương ứng với tốc độ gia tăng của doanh thu thuần. Đồng thời, Công ty chủ động tổ chức các cuộc giao lưu, thăm hỏi khách hàng, chương trình khuyến mãi... nhiều hơn do vậy đã phát sinh thêm chi phí, **3.** Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng vì từ năm 2009, PVGas South đẩy mạnh hoạt động CNG nên chi phí hoạt động cũng tăng tương ứng với tốc độ tăng của lợi nhuận.

### Các chỉ số tài chính quan trọng

#### Khả năng sinh lời:

Khả năng sinh lợi	2008	2009	2010	2011	2012
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	4,70%	7,28%	10,81%	16,67%	15,44%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế (%)	4,98%	5,43%	22,07%	6,82%	4,00%
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	1,76%	2,02%	7,41%	5,95%	3,32%
ROE (%)	18,45%	22,32%	82,94%	38,77%	19,55%
ROA (%)	3,80%	3,89%	12,14%	8,70%	4,88%



Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận gộp có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây nhờ hoạt động kinh doanh CNG có tỷ suất lợi nhuận gộp cao (dao động từ 15 - 30% tùy vào giá CNG đầu vào mỗi năm) và sản phẩm này đã nhanh chóng đóng góp 30% tổng lợi nhuận gộp cho Công ty trong năm 2010, năm 2012 là 70% lợi nhuận gộp. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu năm 2012 của Công ty giảm nhẹ 1,23%.

Nguyên nhân được xác định là:

- Mạng kinh doanh LPG đem lại doanh thu chủ yếu cho PVGas South (chiếm 73,37%) nhưng tỷ suất lợi nhuận kinh doanh LPG thường không cao (khoảng từ 5 - 7%). Trong ngành luôn có sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các Công ty, các đối thủ chính của Công ty cũng bằng nhiều cách muốn giành thị phần tại khu vực Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, cách mà họ áp dụng là hạ giá bán, tăng tỷ lệ chiết khấu cho đại lý. Trước diễn biến này, buộc Công ty phải thay đổi chính sách bán hàng đó là: 1. Giảm giá bán tới mức có thể chấp nhận được, 2. Tổ chức các chương trình chăm sóc đại lý, tổng đại lý, 3. Bước đầu chuyển đổi mô hình kinh doanh cho VT-Gas từ mô hình phân phối từ việc cho một số các Tổng đại lý/Đại lý thuê thương hiệu tự phân phối sang phân phối trực tiếp thông qua các Tổng đại lý/Đại lý bao tiêu. Do vậy, đã ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của PVGas South. Đây cũng là đặc điểm chung của các doanh nghiệp kinh doanh LPG như Công ty CP kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc, Công ty TNHH Gas Petrolimex, Công ty CP Gas An Pha...

- Mạng doanh thu quan trọng tiếp theo là CNG mặc dù chỉ chiếm 26,63% doanh thu năm 2012 nhưng vì tỷ suất lợi nhuận gộp lớn (15% - 20%) nên mạng kinh doanh CNG chiếm đến 70% lợi nhuận gộp. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp mặt hàng này trong năm 2012 cũng đang chịu những ảnh hưởng bởi chi phí đầu vào CNG đã tăng 28% với cùng kỳ năm 2011. Năm 2012, giá CNG đầu vào trung bình của Công ty là 8,4 USD/MMBTU, so với trung bình 2011 là 6,55 USD/MMBTU.

Ngoại trừ, năm 2010 Công ty đạt mức tỷ suất lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt ở mức cao nhất do việc thanh lý cổ phiếu PVGas D, chiếm 30% tổng lợi nhuận ròng và cũng là năm lợi nhuận sau thuế tăng mạnh nhờ hoạt động kinh doanh CNG đi vào hoạt động. Hiện nay, tỷ suất lợi nhuận trước thuế và sau thuế của năm 2012 giảm hơn các năm trước do hầu hết các chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng như đã được phân tích ở phần trên.

Suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) năm 2012 đạt 4,88%, tỷ lệ này cao hơn các doanh nghiệp trong cùng ngành kinh doanh LPG vì PVGas South có thêm hoạt động kinh doanh CNG với hiệu quả kinh tế cao. Nhưng thấp hơn so với giai đoạn 2008 – 2011 vì tổng giá trị tài sản qua từng năm của PVGas South luôn đạt ở mức cao do việc đầu tư hệ thống kho chứa, trạm chiết LPG, trạm khí nén CNG, xe bồn vận chuyển... thường lớn, hiện tổng giá trị tài sản của PVGas South là hơn 2.921 tỷ đồng. Trong khi đó, hoạt động kinh doanh trong năm 2012 gặp nhiều khó khăn nên lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ đã giảm 35,56% so với năm 2011. Đây là nguyên nhân khiến ROA năm nay giảm so với giai đoạn trước.

Suất sinh lời trên vốn chủ ROE năm 2012 đạt 19,55%, giảm 49,57% so với năm 2011. Mặc dù, năm qua chỉ tiêu này giảm nhưng xét theo mặt bằng chung, PVGas South vẫn hoạt động rất hiệu quả, góp phần gia tăng khả năng tích lũy cho Công ty và gia tăng giá trị tài sản cho chủ sở hữu.

### Khả năng thanh toán:

Chỉ số thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành được coi là đã chạm ngưỡng an toàn do hoạt động kinh doanh LPG cần nguồn vốn lưu động lớn. Nợ phải trả ngắn hạn của PVGas South chủ yếu là các khoản phải trả người bán trong PVN, do được sự hỗ trợ của Tập đoàn nên khoản mục này thường cao hơn so với các Công ty cùng ngành. Riêng các khoản nợ vay ngắn hạn tăng đều qua các năm do hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục được phát triển. Tuy nhiên nhu cầu vốn ngắn hạn được cân đối rất tốt với tổng tài sản.



### Tỷ số hoạt động năm 2012

Hiệu quả hoạt động	2008	2009	2010	2011	2012
Vòng quay hàng tồn kho (ngày)	4,17	8,65	11,65	8,00	6,73
Vòng quay khoản phải thu (ngày)	47,90	58,12	47,71	38,34	29,98
Vòng quay khoản phải trả (ngày)	131,15	157,43	159,44	148,18	124,66
Vòng quay tổng tài sản (lần)	2,17	1,92	1,99	2,16	2,06

Vòng quay phải trả người bán của Công ty khá cao do PVGas South nhận sự hỗ trợ của các Công ty trong Tập đoàn dầu khí Việt Nam, trong đó: mua LPG của PVGas với thời hạn thanh toán tối đa là 90 ngày và của Ban Quản lý Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất với thời hạn thanh toán là 60 ngày. Trong khi đó, số ngày phải thu qua các năm có xu hướng giảm dần và giữ ở mức thấp hơn rất nhiều so với các khoản phải trả. Điều này, tạo điều kiện thuận lợi trong việc luân chuyển vốn lưu động của PVGas South luôn duy trì ở mức cao.

Với sự nỗ lực kiểm soát chi phí, tận dụng tối đa hóa nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, máy móc thiết bị, hiệu suất sử dụng tài sản của PVGas South từ 2008 – 2012, tăng đều qua các năm. Số ngày lưu kho giảm từ 11,65 ngày năm 2010 xuống còn 6,73 ngày năm 2012. Việc quản trị hàng tồn kho tốt một phần do công tác quản lý kho được PVGas South rất chú trọng, tận dụng phương pháp quản lý tồn kho tối ưu, luôn dự trữ lượng hàng tối thiểu trong kho để đáp ứng nhu cầu khách hàng, tăng công suất các trạm chiết nạp của Công ty để chủ động hàng bán và giảm dần chi phí.



Số vòng quay tài sản liên tục duy trì ở mức ổn định từ 2008 – 2012, thể hiện PVGas South đang phần đầu khai thác ngày càng hiệu quả hơn cơ sở vật chất của mình. Đạt được điều này là nhờ sự phấn đấu trong chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng tương xứng với quy mô kinh doanh trong đó ưu tiên đầu tư các kho cảng đầu mối và phân bố đều dọc tuyến giao thông cảng biển từ Đà Nẵng trở vào, kho Thị Vải – Vũng Tàu, kho cảng Cần Thơ, kho cảng tại Đà Nẵng và kho cảng tại Bình Định, Nha Trang, Quảng Ngãi. Hoàn thành việc quy hoạch hệ thống trạm chiết nạp cho toàn bộ thị trường ở những khoảng cách hợp lý, có thể bằng hình thức đầu tư hoặc thuê mua tài chính hoặc thuê độc quyền các trạm chiết nạp vệ tinh tùy thuộc vào tình hình hoạt động thực tế, đảm bảo cự ly phân phối hiệu quả của các trạm chiết nạp tại từng vùng đô thị. Từ đó nâng cao năng lực kinh doanh cùng với việc gia tăng doanh số để khai thác hiệu quả việc sử dụng cơ sở vật chất của Công ty.

#### Tỷ lệ trả cổ tức năm 2012:

Mức cổ tức năm 2012 sẽ được trả theo phương án phân phối lợi nhuận được quyết định tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2012, cổ tức cho cả năm 2012 là 12% bằng tiền mặt trên vốn điều lệ của năm 2012.



## NÂNG TẦM GIÁ TRỊ

- ❖ Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
- ❖ Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc





# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## - Đánh giá tình hình kinh doanh năm 2012

### Kết quả sản xuất, kinh doanh:

Mặc dù tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn như: tỷ lệ lạm phát và lãi suất cho vay vẫn đang ở mức cao, sản xuất đình trệ, nhiều doanh nghiệp bên bờ vực phá sản... nhưng vì Công ty đã có những giải pháp kịp thời, nhanh nhạy và năng động phù hợp với sự biến động của thị trường; sự cố gắng, nỗ lực của toàn Công ty và sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Khí Việt Nam, nên trong năm 2012, các chỉ tiêu chính được thực hiện như sau:

### Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được năm 2012 của PVGas South (hợp nhất):

STT	CHỈ TIÊU	Đvt	2011	KH 2012	TH 2012	2012/2011 (%)	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng						
	Sản lượng LPG	Tấn	255.420	263.020	250.921	98,24%	95,40%
	- LPG bình	Tấn	115.408	138.000	139.116	120,54%	100,81%
	- LPG rời	Tấn	140.012	125.020	111.805	79,85%	89,43%
	Sản lượng CNG	M <sup>3</sup>	117.996.053	126.000.000	116.761.454	98,95%	92,67%
<b>2</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.807</b>	<b>6.048</b>	<b>6.375</b>	<b>109,78%</b>	<b>105,41%</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>393</b>	<b>202</b>	<b>255</b>	<b>64,90%</b>	<b>126,27%</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>343</b>	<b>179</b>	<b>212</b>	<b>61,75%</b>	<b>118,32%</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>238</b>	<b>150</b>	<b>151</b>	<b>63,44%</b>	<b>101%</b>

### - Công tác Đầu tư Xây dựng cơ bản:

Để phục vụ cho mục tiêu phát triển thị trường, chủ động trong nguồn hàng và phục vụ nhu cầu của khách hàng, PVGas South đã triển khai đầu tư xây dựng hệ thống các kho chứa, trạm nạp LPG, CNG trên địa bàn các tỉnh phía Nam. Cụ thể:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng các trạm nén (trạm mẹ) và trạm nạp (trạm con) CNG cung cấp cho giao thông vận tải như: Trạm mẹ Hiệp Phước, Trạm con Tân Kiên, Trạm con Nguyễn An Ninh.

- Hoàn thành việc cải tạo và mở rộng Trạm mẹ CNG Mỹ Xuân nhằm đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Triển khai xây dựng trạm chiết nạp LPG Quảng Ngãi đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

### - Kinh doanh, phát triển hệ thống phân phối:

Đẩy mạnh thị trường hiện hữu, xúc tiến mở rộng các khu vực thị trường mới như: Kiên Giang, Phú Quốc, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk.

Thêm vào đó, PVGas South đã và đang tích cực tiến hành mua lại các Công ty và trạm chiết LPG không đủ điều kiện kinh doanh theo nghị định 107/NĐ-CP. Mục đích lớn nhất của việc làm này là phát huy mạnh hệ thống cửa hàng bán lẻ tại các vùng trọng điểm để bán trực tiếp cho người tiêu dùng, giúp người tiêu dùng được hưởng chính sách giá, sản phẩm, dịch vụ tốt nhất... Tính đến nay, PVGas South đã thực hiện mua 55% vốn điều lệ (VĐL) của Công ty VT-Gas, mua 100% VĐL của Công ty Gas Đặng Phước tại Gia Lai, 100% VĐL Công ty An Pha Tây Nguyên và 100% VĐL Công ty An Pha Tây Ninh.

### - Tài chính, nguồn vốn:

Đa số nguồn vốn kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu từ việc huy động nguồn tín dụng thương mại và vay bổ sung vốn lưu động từ các ngân hàng, kết hợp với việc tăng cường và quản trị vốn lưu động trong tất cả các khâu nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng vốn. Năm 2012, Công ty không triển khai các dự án lớn nào mà chỉ tập trung khai thác triệt để các dự án hiện có cùng với việc thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt để giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

### - Công tác quản trị dòng tiền tiếp tục được hoàn thiện:

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế, Công ty đặc biệt chú trọng công tác quản lý sử dụng vốn trên nguyên tắc:

Bảo toàn và phát triển vốn ở khâu mua hàng, Công ty đã quản trị vốn từng khâu mua hàng nhằm vừa đảm bảo cơ sở hàng dự trữ hợp lý trước biến động tỷ giá đầu vào tăng giảm, vừa đảm bảo giãn cách giữa các chuyển nhập hàng để thu hẹp khoảng cách ứ đọng tại khâu dự trữ.

Trong quá trình bán hàng đã có sự rà soát và chọn lọc, tạm thời chưa phát triển quy mô trên diện rộng nhằm hạn chế tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn và rủi ro từ nợ khó đòi. Năm 2012, Công ty đã rà soát, đôn đốc thu hồi công nợ kể cả các biện pháp mạnh cần thiết để thu hồi vốn. Kết quả là năm 2012, khoản phải thu khách hàng của Công ty đã giảm được so với đầu năm. Hiện nay, toàn bộ dòng tiền từ các Cửa hàng, Chi nhánh và các Công ty trực thuộc được quản trị dòng tiền tập trung tại Công ty mẹ với việc sử dụng tài khoản chuyên thu và chuyển tiền tự động, trực tuyến hàng ngày về Công ty mẹ để giảm thiểu vốn tồn đọng tại các ngân hàng, giảm đáng kể chi phí vốn vay trong năm.

### - Tổ chức và nhân sự:

Hội Đồng Quản Trị đã chủ động xem xét, chấn chỉnh, xây dựng chính sách nhân sự nhằm phát huy tối đa năng lực cán bộ, nhân viên tạo môi trường làm việc tốt. Ban hành quyết định phân cấp chức danh, công việc của Công ty mẹ, các Công ty thành viên. Quan tâm, chú trọng công tác an sinh xã hội, đời sống tinh thần cho người lao động.

### - Quản trị rủi ro:

Rủi ro ở đây được xác định có thể xảy ra ở tất cả các khâu trong quá trình kinh doanh, từ việc chuẩn bị nguồn LPG cho chiết nạp, tài chính, chi phí, lãi suất, an toàn cháy nổ, thị trường, đối thủ cạnh tranh...do vậy nó phải được thực hiện thường xuyên theo những quy trình, quy định tùy theo từng khâu, vụ việc. Công ty đã ban hành các quy định về kiểm soát tài chính, bán hàng, công nợ, quản lý tiền mặt, tồn kho, quy trình kiểm tra, kiểm soát xuất LPG tại các kho lớn, trạm chiết nạp.

### - Kế hoạch và định hướng:

**Dự đoán tình hình kinh tế chưa thể có chuyển biến tích cực trong giai đoạn tới, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và chuẩn bị cho các mục tiêu dài hạn của Công ty, HĐQT định hướng thực hiện các chủ trương sau:**

#### - Về công tác kinh doanh:

**1.** Tập trung chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2013 được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Làm việc với Ban Tổng giám đốc, các Chi nhánh, các đơn vị để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ năm 2013.

**2.** Chỉ đạo đầu tư phát triển thị trường CNG công nghiệp và giao thông vận tải, phấn đấu năm 2013 đạt sản lượng 125 triệu m<sup>3</sup> (PVGas South 65 triệu m<sup>3</sup>; CNG Việt Nam 60 triệu m<sup>3</sup>).

**3.** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành, các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc.

#### - Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Hoàn thành và đưa vào sử dụng các trạm nén (trạm mẹ) và trạm nạp (trạm con) CNG cung cấp cho giao thông vận tải như trạm mẹ Hiệp Phước, trạm con Tân Kiên, trạm con Nguyễn An Ninh.

Triển khai xây dựng trạm chiết nạp Quảng Ngãi đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Đánh giá tình hình kinh doanh năm 2012

Mặc dù năm 2012 có nhiều khó khăn trong kinh doanh LPG, giá CP biến động liên tục không theo quy luật, tình hình tiêu thụ CNG gặp nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế đã tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua, tuy nhiên tập thể CB.CNV đã nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch được giao. Kết quả kinh doanh 2 mảng kinh doanh chính tại PVGas South trong năm 2012 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	2011	KH 2012	TH 2012	2012/2011 (%)	Tỷ lệ TH/KH (%)
<b>1</b>	<b>Sản lượng</b>						
	Sản lượng LPG	Tấn	255.420	263.020	250.921	98,24%	95,40%
	- LPG bình	Tấn	115.408	138.000	139.116	120,54%	100,81%
	- LPG rời	Tấn	140.012	125.020	111.805	79,85%	89,43%
	Sản lượng CNG	M <sup>3</sup>	117.996.053	126.000.000	116.761.454	98,95%	92,67%
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.807</b>	<b>6.048</b>	<b>6.442</b>	<b>110,93%</b>	<b>106,51%</b>
	- Kinh doanh LPG	Tỷ đồng	4.189	-	4.726	112,84%	-
	- Kinh doanh khí CNG	Tỷ đồng	1.482	-	1.565	105,65%	-
	- Khác	Tỷ đồng	137	-	150	109,80%	-
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần</b>		<b>5.764</b>	-	<b>6.375</b>	<b>110,60%</b>	-
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>961</b>	-	<b>984</b>	<b>102,41%</b>	-
	- Kinh doanh LPG	Tỷ đồng	344	-	432	125,50%	-
	- Kinh doanh khí CNG	Tỷ đồng	607	-	552	90,88%	-
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>393</b>	<b>202</b>	<b>255</b>	<b>64,90%</b>	<b>126,27%</b>
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>343</b>	<b>179</b>	<b>212</b>	<b>61,75%</b>	<b>118,32%</b>
<b>7</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>238</b>	<b>150</b>	<b>151</b>	<b>63,44%</b>	<b>101%</b>

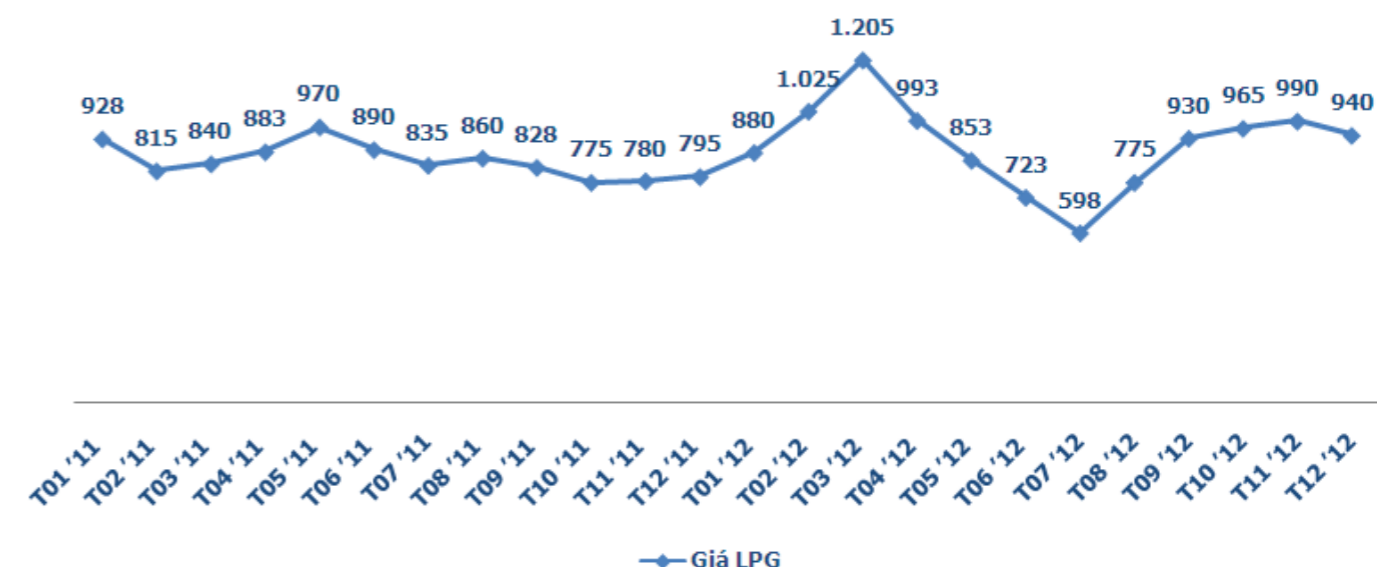
### 1. Hoạt động kinh doanh LPG:

**Năm 2012, doanh thu từ LPG đạt 4.726 tỷ đồng, tăng 12,84% so với năm trước, lợi nhuận gộp đạt 432 tỷ đồng, tăng 25,05% so với năm trước.**

Năm 2012 cũng chứng kiến những diễn biến phức tạp của giá LPG. Giá LPG đã biến động khá mạnh, từ mức thấp nhất vào tháng 07/2012 là 598 USD/tấn đến tháng 11/2012 đã tăng hơn 65%, đạt mức 990 USD/tấn. Giá LPG biến động mạnh, có biên độ dao động giá cao dẫn đến mức tiêu dùng sử dụng sản phẩm bình 45Kg cho mục đích công nghiệp giảm sút. Mức độ chuyển đổi sử dụng LPG sang các sản phẩm năng lượng khác tăng. Do vậy, tổng sản lượng kinh doanh LPG trong năm 2012 đạt 250.921 tấn, giảm nhẹ 1,76% so với cùng kỳ năm 2011. Tuy nhiên, nhờ xu hướng giá LPG tăng dần vào cuối năm 2012 cùng với việc dự trữ hàng tồn kho hợp lý ở mức giá thấp nên lợi nhuận gộp kinh doanh LPG trong năm 2012 khả quan hơn cùng kỳ.

**Trong năm 2012, PVGas South tiếp tục là doanh nghiệp dẫn đầu về thị phần LPG**

### Diễn biến giá LPG thế giới



### 2. Hoạt động kinh doanh CNG:

**Năm 2012, doanh thu từ CNG đạt 1.565 tỷ đồng, tăng 5,65% so với năm trước; lợi nhuận gộp đạt 552 tỷ đồng, giảm 0,89% so với năm trước.**

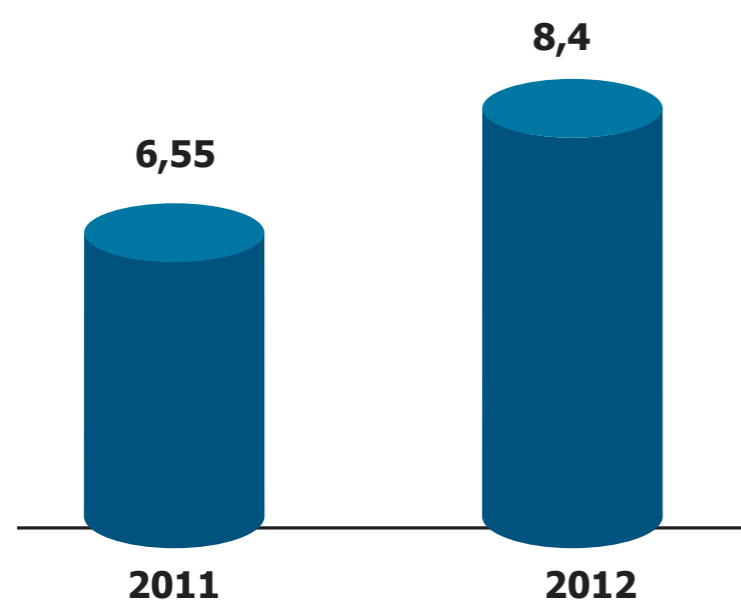
Thực tế tình hình tiêu thụ CNG tăng trưởng thấp hơn so với kỳ vọng của Công ty, trong năm PVGas South đặt kế hoạch kinh doanh CNG là 126 triệu m<sup>3</sup> nhưng sản lượng tiêu thụ thực tế chỉ đạt 115 triệu m<sup>3</sup> tương ứng hiệu suất sử dụng trên tổng công suất thiết kế chỉ hơn 76%. So với kế hoạch là 126 triệu m<sup>3</sup>, thì sản lượng tiêu thụ dự kiến thấp hơn 7,33%.

Trong năm 2012, tình hình tiêu thụ CNG gặp phải những khó khăn do nhu cầu sử dụng khí của nhóm khách hàng lớn của PVGas South thuộc ngành sản xuất nguyên vật liệu xây dựng (gạch men, sắt thép và kính, hóa chất...) đang giảm sút. Hàng tồn kho của nhóm doanh nghiệp này còn khá nhiều khiến việc tiêu thụ khí cũng ít hơn so với mọi năm. Bên cạnh sản lượng CNG tiêu thụ thực tế của nhóm khách hàng cũ sụt giảm, thì sản lượng khí tăng thêm trong năm 2012 từ nhóm khách hàng mới chưa tác động làm tăng sản lượng tiêu thụ trong năm 2012.

Theo lộ trình tăng giá CNG từ PVGas, giá bán khí từ Tổng Công ty cho các đơn vị thành viên sẽ tăng dần hàng năm, để đến 2015 giá khí trong nước sẽ bằng giá thế giới. Hiện PVGas South mua khí từ PVGas D với giá khí đầu vào sẽ bằng giá khí PVGas bán cho PVGas D cộng phí vận chuyển đường ống. Với lộ trình tăng giá này, giá khí thiên nhiên PVGas D đang bán cho PVGas South trung bình đã tăng 28% so với cùng kỳ năm trước, từ 6,55 USD/MMBTU lên 8,4 USD/MMBTU. Trong khi đó, giá bán CNG trung bình chỉ đạt 14 USD/MMBTU, khá thấp so với cùng kỳ năm trước là 15,2 USD/MMBTU. Nguyên nhân chính khiến giá bán CNG sụt giảm so với cùng kỳ năm ngoái do diễn biến giá LPG có xu hướng giảm mạnh trong những tháng đầu năm (60% giá CNG đầu ra được chiết khấu theo giá LPG), đã tác động kép không chỉ đến giá bán LPG mà còn đến giá CNG. Giá bán CNG chiết khấu theo giá LPG có giá bán ra thấp, trung bình chỉ 12 USD/MMBTU nhưng sản lượng tiêu thụ thực tế lại cao hơn gấp 1,5 lần so với giá bán CNG chiết khấu theo giá đầu FO có mức giá ổn định ở mức cao là 17 USD/MMBTU. Ảnh hưởng của giá bán CNG theo giá LPG đã làm cho tỷ suất lợi nhuận CNG giảm mạnh từ 28,29% xuống còn 7,14% trong 2 quý đầu năm 2012. Trong khoảng thời gian còn lại của 2 quý cuối năm, mặc dù giá bán có hướng tăng dần theo diễn biến giá LPG được chiết khấu, nhưng do sản lượng tiêu thụ trong năm không cao nên nhìn chung lợi nhuận hoạt động của hoạt động CNG thấp hơn năm 2011.



### Diễn biến giá khí CNG đầu vào tại PVGas South



● Giá trị đầu vào trung bình (USD/ MMBTU)

### - Tình hình tài chính:

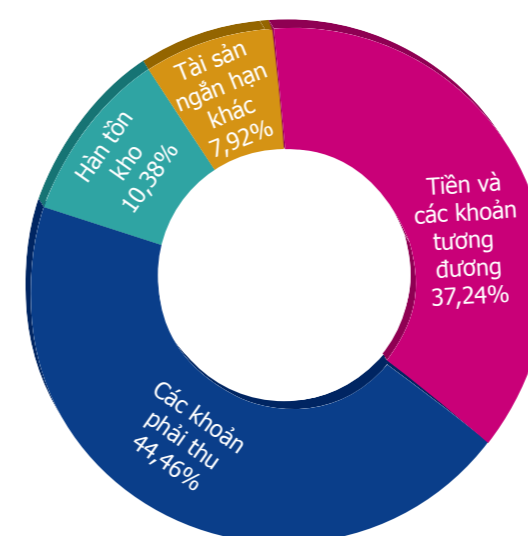
#### Cơ cấu tổng tài sản Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>824.778</b>	<b>1.231.677</b>	<b>2.485.570</b>	<b>3.276.476</b>	<b>2.921.342</b>
- Tài sản ngắn hạn	499.541	672.007	1.184.124	1.457.111	1.189.829
- Tài sản dài hạn	325.237	559.670	1.301.446	1.819.365	1.731.513
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>660.213</b>	<b>1.038.077</b>	<b>1.921.862</b>	<b>2.309.023</b>	<b>1.888.386</b>
- Nợ ngắn hạn	293.023	799.972	1.349.370	1.542.184	1.396.884
- Nợ dài hạn	367.190	238.105	572.492	766.839	491.502
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>164.565</b>	<b>193.599</b>	<b>350.639</b>	<b>737.547</b>	<b>810.368</b>
<b>Lợi ích cổ đông thiểu số</b>			<b>213.069</b>	<b>229.906</b>	<b>222.587</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>824.778</b>	<b>1.231.676</b>	<b>2.485.570</b>	<b>3.276.476</b>	<b>2.921.342</b>

### 1. Tài sản

Tính đến hết Q.4/2012, tổng tài sản của PVGas South là hơn 2.921 tỷ đồng. Trong cơ cấu tài sản trong những năm gần đây của Công ty, tỷ trọng tài sản dài hạn đạt ở mức cao từ 52 - 59%, do Công ty chú trọng đầu tư kho chứa, trạm nạp LPG trên địa bàn các tỉnh phía Nam, phương tiện vận chuyển... Ngoài ra PVGas South cũng đã tham gia góp vốn trong lĩnh vực sản xuất vỏ bình LPG nhằm mở rộng hình thức hoạt động kinh doanh của Công ty nên tổng quy mô tài sản cố định tương đối lớn. Trong đó, năm 2010 là năm tiêu biểu có tốc độ tăng trưởng tài sản cao nhất đạt 101,80% do ngoài đầu tư cơ sở vật chất cho kinh doanh LPG, PVGas South còn đầu tư hệ thống trạm nạp CNG cung cấp cho giao thông vận tải và công nghiệp.

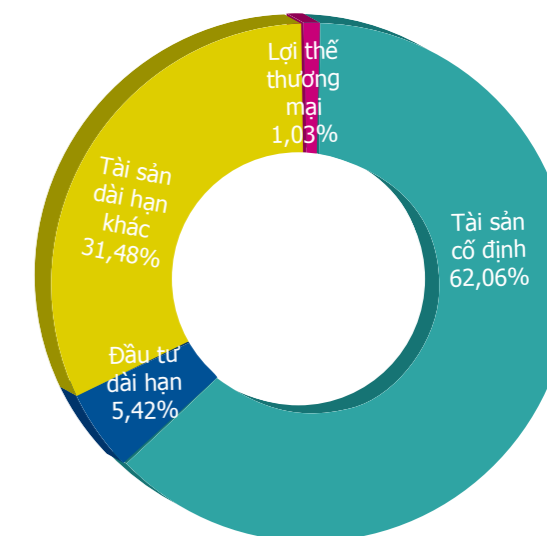
### Cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2012



- Tài sản ngắn hạn của PVGas South cuối năm 2012 hơn 1.189 tỷ đồng, trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2012, hai khoản mục trọng yếu là khoản phải thu ngắn hạn chiếm gần 45% và tiền và các khoản tương đương tiền là hơn 37%, riêng khoản mục hàng tồn kho chiếm tỷ trọng thấp và ổn định qua các năm là do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh là cung cấp khí CNG cho các hộ tiêu thụ tại các Khu công nghiệp từ đường ống dẫn khí và các xe vận chuyển chuyên dụng cho khách hàng đã đăng ký sử dụng trước, nên công tác dự trữ lượng khí tồn kho của Công ty luôn được tính toán và cập nhật kịp thời bằng hệ thống tính toán hiện đại, vì vậy lượng khí CNG tồn kho của Công ty là khá thấp, giá trị hàng tồn kho năm 2012 là 122,72 tỷ đồng chủ yếu là hàng mua đang đi đường của LPG, nguyên liệu, vật liệu và một phần hàng hóa kinh doanh LPG.

- Tài sản dài hạn chủ yếu của PVGas South trong năm 2012 chủ yếu là tài sản cố định, trong đó tài sản cố định hữu hình là chủ yếu, chiếm hơn 62% cơ cấu tài sản dài hạn. Trong năm qua, PVGas South đã hoàn thành và đưa vào sử dụng các trạm nén (trạm mẹ) và trạm nạp CNG (trạm con) cung cấp cho giao thông vận tải như: Trạm mẹ Hiệp Phước, Trạm con Tân Kiên, Trạm con Nguyễn An Ninh, hoàn thành việc cải tạo và mở rộng Trạm mẹ Mỹ Xuân nhằm đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai xây dựng trạm chiết nạp Quảng Ngãi với tổng giá trị hơn 123 tỷ đồng nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

### Cơ cấu tài sản dài hạn năm 2012



### 2. Nguồn vốn

- Trong cơ cấu nợ phải trả từ năm 2008 - 2012, hầu hết là nợ ngắn hạn, hiện tỷ trọng của nợ ngắn hạn trong tổng nợ phải trả khoảng 74%. Trong đó, nhu cầu thanh toán các khoản phải trả ngắn hạn không phải là áp lực trong chính sách tài chính của Công ty do được ưu đãi trả chậm khi lấy nguyên liệu từ các nhà máy lọc dầu, nhà máy khí trong Tập đoàn. Riêng đối với các khoản vay ngắn hạn, PVGas South sử dụng chủ yếu trong việc tài trợ vốn lưu động để mua hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh LPG nên được cân đối phù hợp theo nhu cầu phát sinh trong từng giai đoạn. Các khoản vay dài hạn phục vụ dự án trạm chiết nạp và kho chứa CNG, LPG, một phần được PVN hỗ trợ tối đa vốn để xây dựng hệ thống kho cảng (cho vay không lãi suất trong thời hạn 3 năm để xây dựng dự án), một phần sẽ được vay từ các ngân hàng lớn, uy tín với lãi suất cạnh tranh.

- Do các dự án đầu tư tại PVGas South từ kho chứa, trạm chiết LPG, trạm nén CNG, xe vận chuyển thường đòi hỏi mức đầu tư lớn vì vậy cơ cấu vay nợ còn nhiều. Tuy nhiên, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn được cải thiện tích cực qua các năm hoạt động, đặc biệt chỉ tiêu nợ/tổng tài sản giảm từ trên 29,27% năm 2010 và năm 2011 xuống còn 26,63% năm 2012, chỉ tiêu nợ/vốn chủ sở hữu đã giảm mạnh từ 207,47% năm 2010 xuống còn 95,77% năm 2012. Nguyên nhân là trong năm 2012,



Công ty đã chủ động áp dụng chính sách hạn chế sử dụng vốn vay, tận dụng triệt để nguồn vốn tự có để mua sắm tài sản cố định, tổng dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn trong năm đã giảm hơn 202 tỷ đồng, trong khi đó nguồn vốn chủ sở hữu tăng mạnh do lợi nhuận lũy kế qua mỗi năm tăng lên nên đã góp phần giúp cho cơ cấu vay nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu giảm so với cùng kỳ năm 2011.

**Cơ cấu tổng nguồn vốn**  
**Đvt: Triệu đồng**

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>293.023</b>	<b>801.328</b>	<b>1.349.370</b>	<b>1.542.184</b>	<b>1.396.884</b>
Vay và nợ ngắn hạn	287	29.973	288.515	372.992	451.274
Phải trả ngắn hạn	257.377	561.814	907.842	1.017.797	839.772
Nợ ngắn hạn khác	35.359	209.541	153.013	151.395	105.838
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>367.190</b>	<b>238.105</b>	<b>572.492</b>	<b>766.839</b>	<b>491.502</b>
Vay và nợ dài hạn	150.694	177.015	438.965	605.991	324.844
Phải trả dài hạn khác	216.496	61.090	133.527	160.848	166.658
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>164.565</b>	<b>193.599</b>	<b>350.639</b>	<b>737.547</b>	<b>810.368</b>
<b>Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>213.069</b>	<b>229.906</b>	<b>222.587</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>824.778</b>	<b>1.231.676</b>	<b>2.485.570</b>	<b>3.276.476</b>	<b>2.921.342</b>

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
Nợ ngắn hạn/Tổng nợ phải trả	44,38%	77,19%	70,21%	66,79%	73,97%
Nợ dài hạn/Tổng nợ phải trả	55,62%	22,94%	29,79%	33,21%	26,03%
Tổng khoản phải trả / Tổng nợ phải trả	71,78%	59,93%	54,19%	51,05%	53,30%
Nợ vay / Tổng nợ phải trả	22,87%	19,94%	37,85%	42,40%	41,10%
Nợ khác/ Tổng nợ phải trả	5,36%	20,13%	7,96%	6,56%	5,60%
Nợ vay/Tổng tài sản	18,31%	16,81%	29,27%	29,88%	26,63%
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	91,75%	106,92%	207,47%	132,74%	95,77%
Vay ngắn hạn/ Vay nợ	0,19%	14,48%	39,66%	38,10%	58,15%

## KẾT NỐI NỘI LỰC

- ❖ Các Công ty có liên quan
- ❖ Hệ thống phân phối





# CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

## - CÔNG TY THÀNH VIÊN

### Công ty CP CNG Việt Nam

- **Địa chỉ:** 35I Đường 30/4, P9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- **Điện thoại:** (84.64). 3574 618 - Fax: (84.59). 3574 619
- **Nhà máy:** Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Đường số 15, Huyện Tân Thành, Bà Rịa- Vũng Tàu
- **Website:** www.cng-vietnam.com
- **Chủ tịch HĐQT:** Ông Vũ Tuấn Ngọc
- **Tổng Giám đốc:** Ông Đặng Văn Vĩnh
- **PV Gas South sở hữu 57,47%**



Công ty cổ phần CNG Việt Nam (CNG Viet-Nam) được thành lập vào ngày 28/05/2007, do các cổ đông là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South), và một số các công ty khác của Việt Nam như Habu Bank, IEV Energy (Malaysia),... CNG VietNam chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VietNam đặt tại KCN Phú Mỹ I, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

với công suất ban đầu là 30 triệu m<sup>3</sup> khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ 03/09/2008; Nhà máy đang từng bước phát triển mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng theo từng giai đoạn và đạt mục tiêu nâng công suất lên 250 triệu m<sup>3</sup> khí/năm vào năm 2015. Hiện công suất của nhà máy là 70 triệu m<sup>3</sup> khí/năm.

CNG VietNam là khởi nguồn tiên phong trong việc phổ biến sản phẩm CNG tại Việt Nam, là giải pháp công nghệ tiên tiến "**ĐEM NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH TỚI MỌI NƠI**" sẽ giúp các Doanh nghiệp giảm chi phí nhiên liệu, góp phần bảo vệ môi trường.

## Kết quả kinh doanh năm 2012 và kế hoạch năm 2013 của CNG Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	2011	KH 2012	TH 2012	Tỷ lệ % TH/KH 2012	KH 2013
1	Sản lượng CNG	Triệu M <sup>3</sup>	53,69	65	53	81,54%	60
2	Doanh thu	Tỷ đồng	731	872	828,4	95,00%	885,73
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	227	128	129,63	101,27%	133,96
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	23	115	116,67	101,45%	120,56

### Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-GAS)

- **Địa chỉ:** Cảng Đồng Nai, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- **Điện thoại:** (84.61) 3831 988 - Fax: (84.61) 3832 008
- **Văn phòng đại diện:** Phòng 606, tòa nhà Waseco, 10 Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM.
- **Điện thoại:** (84.8) 3997 6821 Fax: (84.8) 3997 6823
- **Website:** www.vt-gas.com.vn
- **Tổng Giám đốc:** Ông Thitiroj Rersumran
- **PV Gas South sở hữu 55,00%**



Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas) được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 816/GP ngày 04/03/1994 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư với tổng vốn đầu tư là 15 triệu USD gồm các bên liên doanh: Công ty CPKD Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South) góp 55% cổ phần, Ủy ban Dầu khí Quốc gia Thái Lan (PTT) – Thái Lan góp 45% cổ phần.

Được hình thành từ hai Tập đoàn Dầu khí có uy tín và tầm cỡ quốc tế, với công nghệ và thiết bị hiện đại, hệ thống quản lý đạt chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, ISO 14001:2005 và OHSAS 18001:2007, VT-Gas chuyên cung cấp sản phẩm Khí hóa lỏng LPG với chất lượng cao cho các ngành công nghiệp và nhà hàng-khách sạn. Sản phẩm LPG gồm hỗn hợp Butan/Propan với tỷ lệ tối ưu 50%/50% cho nhiệt trị cao >11.000Kcal/kg.



Với hệ thống bồn chứa trên 1.000 tấn và nguồn hàng ổn định, VT-Gas luôn đáp ứng mọi nhu cầu về LPG dân dụng, căn tin, nhà hàng và cho các ngành công nghiệp như: gốm sứ, sắt thép, nhôm, nhựa, sơn, chế biến thực phẩm...

VT-GAS cung cấp hệ thống bồn chứa LPG, hệ thống bình 45Kg với thiết bị của các hãng hệ thống bình 45Kg với thiết bị của các hãng nổi tiếng trên thế giới, đạt chuẩn quốc tế, có chứng nhận của cơ quan kiểm định độc lập đạt độ an toàn cao. Cùng với đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm, công nhân kỹ thuật lành nghề, VT-GAS sẵn sàng tư vấn, thiết kế lắp đặt, bảo trì và hướng dẫn khách hàng sử dụng hệ thống an toàn và hiệu quả.

### Kết quả kinh doanh năm 2012 và kế hoạch năm 2013 của VT-Gas

STT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	2011	KH 2012	TH 2012	Tỷ lệ % TH/KH 2012	KH 2013
1	Sản lượng LPG	Tấn	55.848	54.000	50.477	93,48%	57.000
-	LPG dân dụng	Tấn	26.044	34.980	34.344	98,18%	36.729
-	LPG công nghiệp	Tấn	29.804	19.020	16.133	84,82%	20.271
2	Doanh thu	Tỷ đồng		1.139,67	1.163,39	102,08%	1.202
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		18	41,51	230,61%	18,00

### Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông

- **Địa chỉ:** 45-47 Nguyễn Kiệm, P3, Q Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
- **Điện thoại:** (84.8). 6295 5608
- **Giám đốc:** Ông Trần Văn Nghị
- **PV Gas South sở hữu 100,00%**



Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông (PVGas Sài Gòn) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 28 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã thành lập thêm Công ty con – Công ty TNHH MTV kinh doanh hóa lỏng Miền Đông với tỷ lệ vốn góp là 100%. Công ty con này được hình thành từ việc hợp nhất các chi nhánh Sài Gòn, Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước của Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Miền Nam và hai Công ty con được mua vào ngày 1 tháng 8 năm 2011, đó là Công ty TNHH MTV Dầu khí Anpha Tây Nguyên và Công ty TNHH MTV Dầu khí Anpha Tây Ninh. Việc chuyển giao tài sản cho Công ty con này được thực hiện vào ngày 1 tháng 10 năm 2011.

### Kết quả kinh doanh năm 2012 và kế hoạch năm 2013 của PVGas Sài Gòn

STT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	2011	KH 2012	TH 2012	Tỷ lệ % TH/KH 2012	KH 2013
1	Sản lượng LPG	Tấn	55.848	51.000	49.750	99%	52.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng		1.260	1.324	105%	1.271
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		18	22,4	124%	18

### - CÔNG TY LIÊN KẾT

#### Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam

##### - PV Gas South sở hữu 20,00%

Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐSL ngày 23 tháng 6 năm 2010 và giấy phép kinh doanh số 3602360598 của phòng Đăng ký Kinh doanh, sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/7/2010 dựa trên cơ sở Nhà máy Sản xuất Bình khí – PetroVietnam (chính thức hoạt động sản xuất từ tháng 10 năm 2006). Là nhà máy sản xuất vỏ bình khí hiện đại nhất Việt Nam và Đông Nam Á. Đây là dây chuyền sản xuất đồng bộ khép kín, mức độ tự động hóa hơn 80% với các thiết bị chính được nhập khẩu từ các nước G7 (Nhật, Mỹ, ...). Công suất của Nhà máy 300.000 vỏ bình/năm.

#### Sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty:

- Sản xuất vỏ bình Gas mới loại 12kg, 45kg theo tiêu chuẩn DOT-4BA-240, DOT-4BW-240 và TCVN 6292-1997.
  - Sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm định các loại bình Gas.
  - Kinh doanh vật tư, phụ kiện phục vụ cho công tác sửa chữa và tái kiểm định bình Gas.
- Khách hàng của Công ty hầu hết là các Công ty Kinh doanh lớn như: Sài Gòn Petro, PVGas South, VT-GAS, Petronas VN, Elf gas, Vimexco, Thủ Đức Gas, Total Gas...





# HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Cùng với việc xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, khâu phát triển hạ tầng cho hệ thống phân phối đã được Công ty triển khai và từng bước hoàn thành như việc đầu tư mua các kho, cảng có vị trí chiến lược tại các vùng miền theo quy hoạch...”

Hệ thống phân phối của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh thành phía Nam, tạo sức mạnh toàn hệ thống trong việc thỏa mãn tốt nhu cầu của khách hàng trong tương quan với các đối thủ cạnh tranh. Hiện sản phẩm của PVGas South được cung cấp qua các kênh sau:

- Kênh 1: cho các Tổng Đại lý để các đơn vị này cung cấp ra thị trường - hiện chiếm 33,32% sản lượng.
- Kênh 2: cung cấp trực tiếp sản phẩm tới các đại lý tự do - hiện chiếm 18,48% sản lượng.
- Kênh 3: cho các khách hàng công nghiệp là yêu cầu đơn vị cung cấp LPG phải đầu tư hệ thống cung cấp LPG, trợ giúp kỹ thuật thường xuyên, kịp thời với giá cả cạnh tranh - chiếm 45,73% sản lượng bán ra.
- Kênh 4: cung cấp trực tiếp cho các cửa hàng trực thuộc để cung cấp cho khách hàng. Lượng bán hàng qua kênh này hiện chiếm tỷ lệ không đáng kể. Kênh phân phối này hướng tới các thị trường lớn để tranh thủ cạnh tranh về giá cả như: Cần Thơ, Quảng Ngãi, Nha Trang, Miền Đông.

**Thống kê các Đại lý, Tổng Đại lý và Cửa hàng tại PVGas South hiện nay**

Địa điểm	Đại lý	Tổng Đại lý	Cửa hàng
Cần thơ	67	11	6
Quảng Ngãi	132	1	4
Nha Trang	59	14	4
Miền Đông	103	48	5
VT-GAS	64	34	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>425</b>	<b>108</b>	<b>19</b>



# QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BTGD
- ❖ Thông tin Cổ phần và Cổ đông
- ❖ Quản trị rủi ro







## Thành viên và cơ cấu của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị Công ty nhiệm kỳ 2 gồm 5 thành viên, đã được bầu tại ĐHCĐ thường niên năm 2012 ngày 21/04/2012. Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 03 thành viên kiêm nhiệm trong Ban Tổng Giám Đốc và 1 thành viên chuyên trách, như sau:

- 1/ Ông Nguyễn Sĩ Thăng – Chủ tịch HĐQT
- 2/ Ông Đoàn Văn Nhuộm – TV HĐQT kiêm TGD
- 3/ Ông Vũ Quý Hiệu – TV HĐQT kiêm Phó TGD
- 4/ Bà Nguyễn Minh Ngọc – TV HĐQT
- 5/ Ông Hà Anh Tuấn – TV HĐQT kiêm Phó TGD

## Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ và thông qua việc lấy phiếu ý kiến 11 lần để thảo luận và quyết định về định hướng phát triển PVGas South, triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh cho năm 2012, thông qua phương án chia cổ tức năm 2011 và dự

kiến năm 2012, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư cho năm 2013... Ngoài ra, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị cũng thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần cùng với Ban Tổng Giám đốc để bám sát tình hình sản xuất kinh doanh cũng như kịp thời chỉ đạo thực hiện các quyết sách và định hướng của Hội Đồng Quản Trị.

Trong năm 2012, HĐQT giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua việc thực hiện tiến độ các dự án trong năm 2012 được thực hiện đúng theo kế hoạch. Kết quả là:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng các trạm nén (trạm mẹ) và trạm nạp (trạm con) CNG cung cấp cho giao thông vận tải như: Trạm mẹ Hiệp Phước, Trạm con Tân Kiên, Trạm con Nguyễn An Ninh.

- Hoàn thành việc cải tạo và mở rộng Trạm mẹ Mỹ Xuân nhằm đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Triển khai xây dựng trạm chiết nạp Quảng Ngãi đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

## Các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2012

Thời gian	STT	Nội dung
Quý 1/2012	1	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2011 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.
	2	Thông qua phương án chia cổ tức năm 2011 và dự kiến năm 2012.
	3	Thông qua việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị các văn kiện trình ĐHCĐ và công tác chuẩn bị tổ chức ĐHCĐ thường niên 2012.
	4	Thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2012 của CNG VietNam.
	5	Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức 2011 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, dự kiến chia cổ tức 2012 cho CNG VietNam.
Quý 2/2012	6	Thông qua việc bàn giao vốn cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông.
	7	Thông qua các văn kiện trình ĐHCĐ thường niên 2012 của Công ty.
	8	Thông qua các văn kiện trình ĐHCĐ thường niên năm 2012 của Công ty.
	9	Thông qua các nội dung ĐHCĐ thường niên của PVGas Cylinder.
Quý 3/2012	10	Thông qua việc vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2012 và Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức đợt 2/2011.
	11	Thông qua việc giới thiệu cán bộ tham gia quản lý phần vốn của Công ty tại VT-Gas nhiệm kỳ 2012-2015.
Quý 4/2012	12	Thông qua việc bổ nhiệm lại Ông Hà Anh Tuấn Nguyên Phó Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty
	13	Thông qua việc giải thể phòng Kinh doanh của Công ty PVGas SaiGon để thành lập phòng Kinh doanh và phòng Kế hoạch.
	14	Thông qua bổ nhiệm Kiểm soát viên chính và phê chuẩn để bổ nhiệm Kế toán Trưởng PVGas SaiGon và phê duyệt kế hoạch tiền lương của các đơn vị.
	15	Thông qua việc giới thiệu nhân sự làm Người đại diện của Công ty tại CNG VietNam và VT-Gas.
	16	Thông qua mức tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011 là 12%/01 cổ phần và ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền hưởng cổ tức đợt 1/2011.



## BAN KIỂM SOÁT

### - Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm Soát

**Ban Kiểm Soát của Công ty gồm 3 thành viên gồm:**

- 1/ Bà Nguyễn Thục Quyên – Trưởng Ban
- 2/ Ông Võ Đình Quang – Thành viên
- 3/ Ông Ngô An Hòa – Thành viên



### - Hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát được quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp; Căn cứ vào Điều lệ Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam; Căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2012 thông qua. Trong năm 2012, Ban Kiểm Soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch

hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm Soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ hàng quý

Ban Kiểm Soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên theo từng lĩnh vực, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

- Trong năm 2012, Ban Kiểm Soát đã phối hợp với đoàn kiểm tra của Công ty kiểm tra giám sát tại các đơn vị trong Công ty, thực hiện Hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán An Phú để kiểm tra, đánh giá tình hình tuân thủ các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và các quy trình kiểm soát nội bộ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong toàn Công ty bao gồm các Công ty con CNG VietNam và VT-Gas. Cuối năm thành viên BKS tham gia giám sát công tác kiểm kê vốn, tài sản cuối năm tại các đơn vị trong Công ty.

- Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước, của cấp trên, như: Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra thuế TP Hồ Chí Minh, Kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty Khí...

### - Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2013

**Ban Kiểm Soát tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông:**

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và chiến lược phát triển Công ty đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.

- Phối hợp với Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc, các phòng chức năng Công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại các đơn vị cũng như tại văn phòng Công ty.

- Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị năm 2013. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- Giám sát quá trình thực hiện tăng vốn điều lệ, chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHCĐ.





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS, BTGD

### - Thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám Đốc

Công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên trong Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của PVGas South. Trong năm 2012, theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công ty đã thanh toán các khoản thưởng, thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc như sau:

#### Các khoản thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của Thành viên Hội Đồng Quản Trị

STT	Chức vụ	Thù lao (Đồng/tháng)	Thưởng vượt kế hoạch
1	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	0	30.000.000 đồng
2	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	0	20.000.000 đồng

#### Các khoản thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của Thành viên Ban Kiểm Soát

STT	Chức vụ	Thù lao (Đồng/tháng)	Thưởng vượt kế hoạch
1	Trưởng Ban Kiểm Soát	0	20.000.000 đồng
2	Thành viên BKS	0	10.000.000 đồng

#### Các khoản thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của Ban Tổng Giám Đốc

STT	Chức vụ	Thù lao (Đồng/tháng)	Thưởng vượt kế hoạch
1	Tổng Giám Đốc	0	30.000.000 đồng
2	Các Phó Tổng Giám Đốc	0	20.000.000 đồng

### - Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2012, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc, không có giao dịch cổ phiếu PGS.

### - Các giao dịch cổ phiếu của những người liên quan

Các giao dịch cổ phiếu PGS của người có liên quan với cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Hải Phúc	Em ruột CT HĐQT	2.200	Bán cổ phần	0	0%
2	Phạm Thị Thu Hà	Vợ UV HĐQT (Vũ Quý Hiệu)	900	Bán cổ phần	0	0%

### - Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

### - Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

## THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

### - Cổ phiếu:

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch PGS và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Đến ngày 07/12/2010, vốn điều lệ của PVGas South là 380.000.000.000 đồng với 38.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng.

### - Cơ cấu Cổ đông:

Số liệu được cập nhật theo danh sách Cổ đông chốt ngày 15/03/2013.

#### Các dữ liệu thống kê về cổ đông tính đến ngày 15/03/2013

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	VỐN CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
PVGas	13.400.000.000	35,26%
Ngân hàng TMCP Đại Á	1.980.400.000	5,21%
Cổ đông khác	22.619.600.000	59,53%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>



### Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội Đồng Quản Trị tại ngày 15/03/2013

STT	Họ tên thành viên HĐQT	Chức vụ tại Công ty	Điều hành	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Nguyễn Sĩ Thăng	Chủ tịch HĐQT	Không	- Đại diện sở hữu: 3.500.000 cp (PVGas) - Sở hữu cá nhân: 10.000 cp	9,21%
3	Đoàn Văn Nhuộm	TV HĐQT kiêm TGD	Tổng Giám Đốc	- Đại diện sở hữu: 3.500.000 cp (PVGas) - Sở hữu cá nhân: 10.000 cp	9,21%
4	Vũ Quý Hiệu	TV HĐQT kiêm PTGD	Phó Tổng Giám Đốc	- Đại diện sở hữu: 1.900.000 cp (PVGas) - Sở hữu cá nhân: Không	5,00%
5	Nguyễn Minh Ngọc	TV HĐQT	Không	- Đại diện sở hữu: 3.000.000 cp (PVGas) - Sở hữu cá nhân: Không	7,89%
6	Hà Anh Tuấn	TV HĐQT kiêm PTGD	Phó Tổng Giám Đốc	- Đại diện sở hữu: 1.500.000 cp (PVGas) - Sở hữu cá nhân: 10.000 cp	3,95%

### Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Kiểm Soát tại ngày 15/03/2013

STT	Họ tên thành viên BKS	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Nguyễn Thục Quyên	Trưởng BKS	- Sở hữu cá nhân: 11.000	0,029%
2	Võ Đình Quang	TV BKS	-	
3	Ngô An Hòa	TV BKS	-	

### Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng tại ngày 15/03/2013

STT	Họ tên thành viên BGD và KTT	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám Đốc	- Đại diện sở hữu: 3.500.000 cp (PVGas) - Sở hữu cá nhân: 10.000 cp	9,21%
2	Vũ Quý Hiệu	Phó Tổng Giám Đốc	- Đại diện sở hữu: 1.900.000 cp (PVGas) - Sở hữu cá nhân: Không	5,00%
3	Hà Anh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	- Đại diện sở hữu: 1.500.000 cp (PVGas) - Sở hữu cá nhân: 10.000 cp	3,95%
4	Trần Văn Nghị	Phó Tổng Giám Đốc	- Sở hữu cá nhân: 10.000 cp	0,026%
5	Trần Thanh Nam	Phó Tổng Giám Đốc	- Sở hữu cá nhân: 0 cp	0%
6	Nguyễn Đăng Trình	Kế Toán Trưởng	- Sở hữu cá nhân: 0 cp	0%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Cổ đông có liên quan đến Cổ đông nội bộ tại ngày 15/03/2013: Không có

## QUẢN TRỊ RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Các nhân tố có ảnh hưởng đến nền kinh tế bao gồm lãi suất, lạm phát, tỷ giá hối đoái v.v,... Nếu sự biến động mạnh của các nhân tố trên xảy ra sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc gia và do đó tình hình sản xuất kinh doanh và giá cổ phiếu của Công ty có thể sẽ bị ảnh hưởng theo.

Trong tình hình giá dầu và giá LPG liên tục tăng cao và biến động, nhiều khách hàng đã phải ngừng sử dụng LPG để chuyển sang sử dụng các loại nhiên liệu khác rẻ hơn làm giảm đáng kể sản lượng cung cấp LPG của Công ty.

**Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, PVGas South chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp, và tổ chức tín dụng của Công ty.**

### Rủi ro về cạnh tranh

Hơn một nửa lượng sản lượng LPG trên thị trường phải nhập khẩu chủ yếu là các Công ty TNHH. Đây là một lực lượng đang hình thành và sẽ cạnh tranh khốc liệt với PVGas South trong những năm tới, đặc biệt là tại thị trường phía Nam. Bên cạnh đó, các Tập đoàn đa quốc gia, các hãng LPG lớn có tiềm lực về vốn, về kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh và điều hành.

**Để có thể vững vàng tại thị trường, PVGas South phải củng cố và nâng cao năng lực quản lý, tăng tính chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. PVGas South đã đầu tư mạng lưới phân phối trải đều trên khắp các tỉnh, thành từ Đà Nẵng trở vào và hệ thống chiết nạp vệ tinh phân bố đều khắp thị trường miền Tây Nam Bộ,**





**Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, PVGas South đã tạo được uy tín đối với khách hàng cho thương hiệu PETROVIETNAM GAS. Đồng thời là Công ty thành viên của PVN, PVGas South có lợi thế nhất định khi có nguồn cung cấp LPG ổn định từ Nhà máy Chế biến Khí Dinh Cố và Nhà máy Dung Quất.**

### **Rủi ro về hoạt động kinh doanh**

Hoạt động của Công ty hiện tại phụ thuộc chủ yếu vào kinh doanh LPG nên hoạt động của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào biến động của thị trường. Bất kỳ biến động về nguồn hay tiêu thụ LPG của thị trường đều ảnh hưởng tới hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Để khắc phục tình trạng này, Công ty đang tìm cách giảm tối đa các chi phí và tìm kiếm các nguồn LPG có giá vốn thấp, nâng sức chứa của các kho nhằm chủ động nguồn hàng cung cấp, góp phần bình ổn giá trong những trường hợp có biến động giá đột biến.**

### **Rủi ro về luật pháp**

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới v.v... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được xem là khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

### **Rủi ro kinh tế**

Các nhân tố có ảnh hưởng đến nền kinh tế bao gồm lãi suất, lạm phát, tỷ giá hối đoái v.v... Nếu sự biến động mạnh của các nhân tố trên xảy ra sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc gia và do đó tình hình sản xuất kinh doanh và giá cổ phiếu của Công ty có thể sẽ bị ảnh hưởng theo.

Trong tình hình giá dầu và giá LPG liên tục tăng cao và biến động, nhiều khách hàng đã phải ngừng sử dụng LPG để chuyển sang sử dụng các loại nhiên liệu khác rẻ hơn làm giảm đáng kể sản lượng cung cấp LPG của Công ty.

**Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, PVGas South chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp, và tổ chức tín dụng của Công ty.**

Chính sách quản lý của Nhà nước về ngành LPG là chưa hoàn thiện rõ nét và chưa kiểm soát chặt chẽ nên còn xảy ra chiết nạp LPG lậu, cấp phép kinh doanh không dựa vào quy hoạch, tạo ra thị trường kinh doanh LPG thiếu lành mạnh.

Những thay đổi về môi trường pháp lý yêu cầu PVGas South luôn phải cập nhật và đánh giá tác động đến các hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **Rủi ro đặc thù**

LPG nói riêng và các sản phẩm Khí nói chung là loại sản phẩm rất dễ cháy nổ, điều kiện tồn trữ, vận chuyển, phân phối rất khắt khe. Để giảm thiểu rủi ro đặc thù này, Công ty rất chú trọng trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật từ khâu thiết kế (bình LPG, bồn LPG, hệ thống tồn trữ, vận chuyển,...), chế tạo, xây dựng, đến vận hành, bảo dưỡng.

## **ĐỂ VƯƠN XA HƠN**

- ❖ **Mục tiêu – chiến lược**
- ❖ **Kế hoạch năm 2013**





# MỤC TIÊU – CHIẾN LƯỢC

## Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng PVGas South trở thành Công ty kinh doanh LPG đứng đầu khu vực miền Nam trong tất cả các mặt như: sản lượng bán LPG, thị phần, giá trị vốn hóa, đội ngũ cán bộ đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ trong nền kinh tế hội nhập.
- Xây dựng một Công ty kinh doanh đa ngành, đa sản phẩm nhưng chủ đạo là kinh doanh LPG.
- Đưa thương hiệu sản phẩm PETROVIETNAM GAS có uy tín cao, luôn đi kèm với chất lượng tốt, dịch vụ hoàn hảo, văn hóa và phong cách phục vụ chuyên nghiệp trên thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.
- Tạo ra một Công ty cổ phần đa sở hữu, trong đó PVGas nắm giữ cổ phần lớn nhất, với mô hình bao gồm các chi nhánh chuyên môn hóa, cung cấp các dịch vụ liên quan đến LPG và các sản phẩm Dầu khí, không chỉ phục vụ cho hoạt động của Công ty mà còn phục vụ cho các Công ty bên ngoài như dịch vụ thiết kế, xây lắp công trình cung cấp LPG, dịch vụ kho cảng,...

**Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu giai đoạn 2012 – 2025 là: 5,42%/năm, trong đó:**

- + **Giai đoạn 2012 – 2015: 13,65%/năm.**
- + **Giai đoạn 2016 – 2020: 3,43%/năm.**
- + **Giai đoạn 2021 – 2025: 2,57%/năm.**

## Mục tiêu cụ thể

### 1. Sản lượng, thị phần

#### + Kinh doanh LPG

Trên cơ sở tổng hợp tình hình hiện tại và dự báo phát triển trong từng giai đoạn. Công ty phấn đấu trở thành Công ty kinh doanh LPG đứng đầu cả nước và khu vực miền Nam với các mục tiêu:

- Chiếm 25,79% thị phần LPG cả nước vào năm 2015 và giữ vững thị phần khoảng 25% cả nước vào năm 2025 khâu đầu và khâu sau của ngành Dầu khí.
- Chiếm 44,35% thị phần LPG miền Nam và Nam Trung Bộ vào năm 2015 và 45,4% thị phần LPG miền Nam và Nam Trung Bộ vào năm 2025. Duy trì, tăng tốc kế hoạch sản lượng bán LPG, trong theo chiến lược mục tiêu năm 2015 đạt 368.344 tấn/năm và năm 2025: 498.186 tấn/năm.

#### Mục tiêu về thị phần cả nước



#### Mục tiêu về thị phần phía Nam



## + Kinh doanh CNG

- Xây dựng PVGas South trở thành Công ty kinh doanh CNG hàng đầu với mạng lưới tiêu thụ trên khắp cả nước.
- Đưa CNG vào sử dụng rộng rãi cho giao thông vận tải và các hộ công nghiệp tại khu vực miền Đông Nam Bộ. Phát triển rộng thị trường cung cấp CNG trên toàn quốc.

## 2. Hệ thống phân phối

- Điều chỉnh hệ thống kênh phân phối theo hướng giảm bớt trung gian, phát triển hệ thống bán lẻ đến người tiêu dùng.
- Xây dựng kế hoạch nhập khẩu định hạn hàng năm để ổn định nguồn hàng, đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng.
- Xây dựng chiến lược quảng cáo, khuyến khích thương hiệu PETROVIETNAM GAS, phát triển thị trường trong nước và khu vực lân cận: Lào, Campuchia.
- Xây dựng các trung tâm dịch vụ, chăm sóc khách hàng tại các khu vực thị trường trọng điểm & có kế hoạch mở rộng phủ kín toàn bộ hệ thống từ Đà Nẵng đến Cà Mau.
- Tăng cường công tác phối hợp chống gian lận thương mại nhằm tăng hiệu quả sử dụng bình (bình 12 kg & bình 45kg) của Công ty.

## 3. Hoạt động tài chính

- Từng bước đưa Công ty chủ động về mặt tài chính, cân đối hợp lý giữa các nguồn vốn cổ đông, vốn vay, đảm bảo tỷ lệ tự đầu tư trong Công ty ở mức 30%.
- Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ hàng năm liên tục tăng và sau năm 2012 không thấp hơn 20%.
- Tăng cường hoạt động đầu tư tài chính trên cơ sở đảm bảo và phát triển vốn.
- Tiếp tục góp vốn vào các Công ty cổ phần hoạt động hiệu quả.
- Nghiên cứu tham gia thị trường chứng khoán và đầu tư tài chính.
- Tham gia góp vốn/mua lại các Công ty kinh doanh LPG, kinh doanh kho cảng, kinh doanh dịch vụ, vận tải, từng bước gia tăng tỉ lệ góp vốn nếu có hiệu quả.
- Tiếp tục nghiên cứu để tìm cơ hội đầu tư mới, đặc biệt là các dự án sản xuất, dịch vụ có liên quan đến ngành LPG.

## 4. Đầu tư cơ sở vật chất

- Đầu tư kho chứa và trạm chiết để tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh LPG dân dụng, phủ kín thị trường từ Đà Nẵng đến Cà Mau.
- Đầu tư phương tiện vận chuyển LPG trên cơ sở cân đối nhu cầu & tài chính nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Đầu tư xây dựng/mua nhà máy sơn, sửa, tái kiểm định bình LPG.
- Tiếp tục đầu tư hoặc hợp tác đầu tư có hiệu quả cơ sở hạ tầng (kho chứa, trạm chiết, phương tiện vận chuyển,...).



# KẾ HOẠCH NĂM 2013

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 được xây dựng trên cơ sở dự báo tình hình thị trường kinh doanh LPG, CNG và mặt bằng giá nguyên liệu đầu vào năm 2012. Đồng thời, được dựa trên Chiến lược phát triển Công ty cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025. Kế hoạch kinh doanh này đã được chấp thuận bởi PVGas và căn cứ Nghị Quyết số 02/NQ-KMN ngày 28/02/2013 của Hội Đồng Quản Trị Công ty PVGas South.

## - Các chỉ tiêu kế hoạch

### 1. Chỉ tiêu sản lượng và kế hoạch kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	Đvt	KH 2013
<b>I.</b>	<b>Sản lượng:</b>		
<b>1</b>	<b>LPG</b>		
<b>a</b>	<b>Hợp nhất</b>	<b>Tấn</b>	<b>265.171</b>
-	Sản lượng dân dụng	Tấn	144.900
-	Sản lượng công nghiệp	Tấn	120.271
-	Thị phần bán lẻ phía Nam	%	35%
<b>b</b>	<b>Công ty mẹ - PVGas South</b>	<b>Tấn</b>	<b>208,171</b>
-	Sản lượng dân dụng	Tấn	108.171
-	Sản lượng công nghiệp	Tấn	100.000
<b>c</b>	<b>VT-Gas</b>	<b>Tấn</b>	<b>57.000</b>
-	Sản lượng dân dụng	Tấn	36.729
-	Sản lượng công nghiệp	Tấn	20.271
<b>2</b>	<b>Xăng dầu</b>	<b>Lít</b>	<b>5.000.000</b>
<b>3</b>	<b>CNG</b>	<b>M<sup>3</sup></b>	<b>125.000.000</b>
a	Công ty mẹ - PVGas South	M <sup>3</sup>	65.000.000
b	CNG VietNam	M <sup>3</sup>	60.000.000
<b>II.</b>	<b>Kết quả kinh doanh</b>		
<b>a</b>	<b>Hợp nhất</b>		
	Doanh thu	Tỷ đồng	6.204,26
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	209,00
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	181,00
	EPS	Đ/CP	4.102
<b>b</b>	<b>Công ty mẹ - PVGas South</b>		
	Doanh thu	Tỷ đồng	5.382,43
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	107,54
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91,41
<b>c</b>	<b>VT-Gas</b>		
	Doanh thu	Tỷ đồng	1.202,00
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,00
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,50
<b>d</b>	<b>CNG VietNam</b>		
	Doanh thu	Tỷ đồng	885,73
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	113,96
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	120,56

## 2. Kế hoạch đầu tư:

Tiếp tục triển khai dự án Cung cấp CNG cho phương tiện giao thông vận tải: Mua bộ chuyển đổi cho xe ô tô sử dụng nhiên liệu CNG và đầu tư 01 trạm con.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh chính, Công ty sẽ tích cực đầu tư tài chính thông qua góp vốn vào một số Công ty kinh doanh trong lĩnh vực LPG nhằm tăng thị phần, tiết kiệm chi phí mua bình.

**Tổng vốn đầu tư dự kiến trong năm 2013 là 38,96 tỷ đồng, trong đó:**

**- Đầu tư xây dựng cơ bản: 27,56 tỷ đồng**

**- Mua sắm trang thiết bị: 11,40 tỷ đồng**

## - Các giải pháp thực hiện

### 1. Về sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh LPG bình, nâng cao hiệu quả của các cửa hàng bán lẻ trực thuộc, quản lý hiệu quả công tác đầu tư vỏ bình mới và vòng quay vỏ bình LPG. Duy trì thường xuyên chính sách hợp lý với các khách hàng truyền thống và không ngừng tìm kiếm khách hàng mới.

- Nghiên cứu tổng quát thị trường từ đó đưa ra chính sách phù hợp để phát triển, tiếp tục củng cố các vùng thị trường theo địa bàn hoạt động của Công ty, đẩy mạnh các thị trường còn yếu. Xây dựng chương trình Quảng cáo khuyến mại, khuyến khích thương hiệu hiệu quả và thiết thực, nhằm tới người tiêu dùng.

- Giữ ổn định sản lượng bán LPG rời, triển khai mở rộng thị trường bán CNG cho phương tiện giao thông vận tải.

- Đảm bảo nhận hết hàng từ Dinh Cố/Dung Quất theo kế hoạch, chủ động cân đối nguồn hàng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Khai thác hiệu quả Tổng kho LPG Gò Dầu, Dung Quất, Cần Thơ; tăng công suất các trạm chiết nạp của Công ty để chủ động hàng bán và giảm dần chi phí.

- Tham gia đầy đủ các lớp phân tích dự báo thị trường của Công ty kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí (PVGas).

- Rà soát lại các chi phí hoạt động để giảm chi phí và có thể giảm giá bán nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các thương hiệu khác và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### 2. Giải pháp về Tài chính - Kế toán:

- Chủ động thu xếp nguồn vốn phục vụ cho các dự án đầu tư phát triển của Công ty.

- Rà soát lại các chi phí hoạt động để giảm chi phí và có thể giảm giá bán nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các thương hiệu khác và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi công nợ, có biện pháp thu hồi với những khách hàng có công nợ lớn, kéo dài.



### 3. Giải pháp về Đầu tư - Xây dựng, An toàn PCCN:

#### a. Giải pháp về Khoa học Công nghệ và Sản xuất:

- Tiếp tục nghiên cứu, duy trì và phát triển ứng dụng của CNG trong giao thông vận tải và trong lĩnh vực công nghiệp ... thay thế cho các loại nhiên liệu khác.
- Nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, tiêu thụ LNG cho giao thông vận tải cũng như công nghiệp, góp phần đưa LNG vào sử dụng như một dòng sản phẩm mới của Công ty.
- Lựa chọn, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ các công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### b. Giải pháp về An toàn và Bảo vệ môi trường:

- Xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, xây dựng các chuẩn mực, ý thức thân thiện với thiên nhiên.
- Tổ chức các lớp tập huấn cho CB-CNV nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.
- Bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng các công nghệ mới, phát triển các công nghệ tiết kiệm tài nguyên, nguyên liệu, năng lượng, thân thiện với môi trường.
- Duy trì, áp dụng hiệu quả và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng. Phần đầu đến tháng 12/2012, hoàn thành việc tích hợp "Hệ thống Quản lý tích hợp PAS 99:2006" (Chất lượng - An toàn - Môi trường).

#### c. Các giải pháp đột phá:

- Có chính sách ưu tiên phát triển KHCN (Khoa học - Công nghệ), chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực KHCN.
- Tập trung nghiên cứu và phát triển các sản phẩm KHCN mang thương hiệu PETROVIETNAM GAS, hợp tác quốc tế về KHCN đối với các đối tác truyền thống để nâng cao năng lực nghiên cứu KHCN cho các CB-CNV có trình độ phù hợp.
- Tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát huy các khả năng sáng tạo của các CB-CNV trong việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Áp dụng các sáng kiến, cải tiến vào thực tiễn sản xuất kinh doanh.

### 4. Giải pháp về Tổ chức bộ máy:

- Quán triệt, thực hiện tốt công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, đảm bảo có được đội ngũ kế thừa cũng như lựa chọn được các cán bộ có đủ năng lực thực hiện công việc đảm nhiệm.
- Sắp xếp bố trí và sử dụng lao động hợp lý, không tuyển thêm lao động khi khối lượng công việc không tăng.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đề xuất nhân sự tham gia các khóa đào tạo đúng người phù hợp với yêu cầu từng chức danh công việc.
- Xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực trẻ, năng động sáng tạo.

## GIÁ TRỊ CỔ ĐÔNG VÀ LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG

- ❖ Quan hệ cổ đông
- ❖ Hoạt động xã hội





## QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Thiết nghĩ hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa PVGas South và cổ đông là một nhiệm vụ được Công ty chú trọng trong các năm qua. Trong năm qua, một số hoạt động tiêu biểu của Công ty trong công tác Quan hệ cổ đông như sau:

- Tổ chức thành công Hội nghị thường niên ĐHCĐ 2011 - 2012.
- Thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 10/01/2010 và thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.

PVGas South luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông nhằm tiếp sức cho Ban Tổng Giám Đốc trong công tác điều hành và quản trị Công ty.

## HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

- Trong năm 2012, Đảng bộ Công ty đã tích cực triển khai các Nghị quyết, chỉ thị của các cấp ủy cấp trên, xây dựng chương trình hành động cụ thể cho từng tháng/quý trong năm. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", vận dụng có hiệu quả trong lĩnh vực công tác và xây dựng đạo đức lối sống. Đảng ủy thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Công ty và Tổng Công ty.

- Đảng ủy PVGas South đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức Đại hội các Chi bộ trực thuộc và tổ chức Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2012 - 2015 thành công tốt đẹp, đây thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công nhân viên và người lao động PVGas South, qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị cho mỗi đảng viên, CB-CNV, nhất là trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hiện nay.

- Cùng với công đoàn triển khai một số hoạt động như: Tổ chức Hội thi văn nghệ chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Công ty (28/3/2012), tổ chức giải bóng đá, tennis giao lưu giữa các đơn vị trong Công ty, tổ chức chương trình về nguồn tại Cố đô Hoa Lư – Ninh Bình, di tích lịch sử chiến thắng Điện Biên Phủ - Điện Biên. Tổ chức chương trình đi du lịch trong nước và nước ngoài cho 80 lượt người lao động. Phát động các phong trào lá lành đùm lá rách, ủng hộ đồng bào miền trung bị bão lụt, thăm các cháu khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp trung thu và ngày Quốc tế thiếu nhi 01 tháng 6, thăm một số gia đình liệt sỹ, mẹ Việt Nam Anh Hùng nhân ngày 27/7, tích cực hưởng ứng các chương trình an sinh xã hội do cấp trên phát động, ngoài ra cán bộ, đoàn viên Công ty còn đóng góp kinh phí xây dựng 04 căn nhà tình nghĩa tặng cho đồng bào nghèo tại Vũng Tàu, Cần Thơ.

- Đoàn thanh niên tham gia hội nghị tập huấn công tác đoàn, chương trình về nguồn do Đoàn Thanh Niên Tập đoàn tổ chức, tham gia chương trình văn nghệ, thể thao quần chúng do Tổng Công ty tổ chức nhân dịp kỷ niệm 22 năm thành lập Tổng Công ty, tổ chức chương trình giao lưu văn nghệ tại các chi đoàn, tham gia chương trình văn nghệ, giải bóng đá do Công ty tổ chức. Đoàn thanh niên tại các chi nhánh/đơn vị tích cực tham gia các chương trình từ thiện, an sinh xã hội, uống nước nhớ nguồn.



### CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

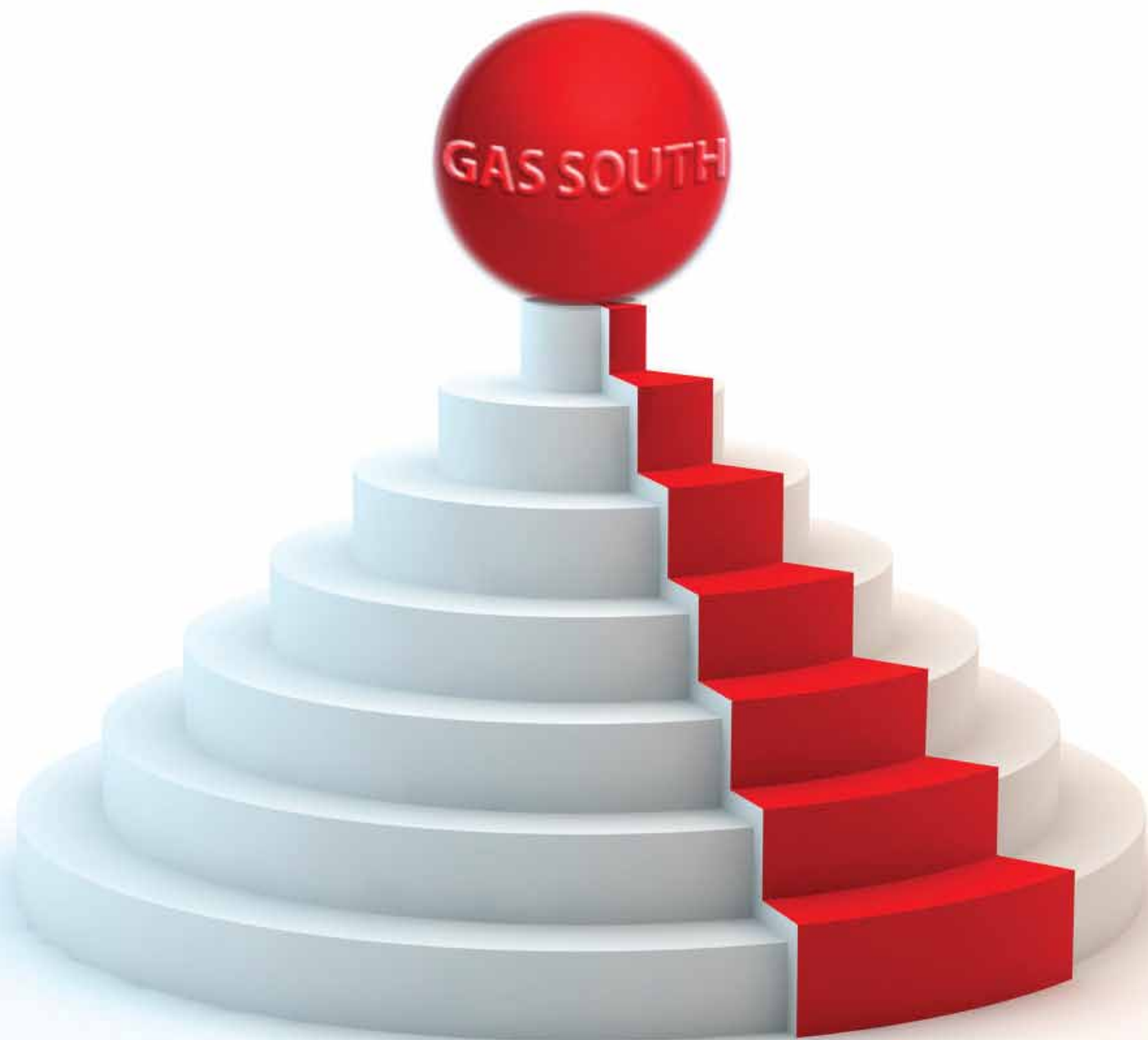
# PV GAS SOUTH





## GẶT HÁI THÀNH CÔNG

- ❖ Ý kiến kiểm toán
- ❖ Báo cáo tài chính hợp nhất



## Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.





# BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2012

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

#### MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	75
Báo cáo kiểm toán độc lập	76
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	77
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	79
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	81
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	82 - 111



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM  
Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

#### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sĩ Thắng	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Nam	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đoàn Văn Nhuộm**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2013





Số: /Deloitte-AUDHCM-RE

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 2 năm 2013, từ trang 3 đến trang 37. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Lê Chí Nguyễn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 28 tháng 2 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Văn Đình Khuê**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.189.828.581.077</b>	<b>1.457.111.264.362</b>
			<b>1.189.828.581.077</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>443.037.391.545</b>	<b>586.256.079.122</b>
1. Tiền	111		365.037.391.545	347.310.623.142
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.000.000.000	238.945.455.980
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>68.900.000.000</b>	<b>108.510.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	68.900.000.000	108.510.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>529.046.716.511</b>	<b>628.334.461.903</b>
1. Phải thu khách hàng	131		498.222.792.381	549.002.537.805
2. Trả trước cho người bán	132		11.246.322.385	44.940.153.418
3. Các khoản phải thu khác	135	7	25.788.437.105	39.117.042.603
4. Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.210.835.360)	(4.725.271.923)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>123.513.687.406</b>	<b>75.337.266.178</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	123.513.687.406	75.337.266.178
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.330.785.615</b>	<b>58.673.457.159</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.463.596.523	16.249.962.681
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.220.764.067	25.205.170.895
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.082.821	4.041.211.611
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.644.342.204	13.177.111.972
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260+270)	<b>200</b>		<b>1.731.513.185.228</b>	<b>1.819.364.508.121</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn (210=218)</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>4.271.313.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	4.271.313.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.074.153.432.672</b>	<b>1.193.337.526.383</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	839.875.115.186	900.426.074.091
- Nguyên giá	222		1.346.196.852.569	1.223.076.050.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(506.321.737.383)	(322.649.976.429)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	171.444.164.015	217.309.123.704
- Nguyên giá	225		233.414.964.033	233.362.226.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(61.970.800.018)	(16.053.103.273)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	33.726.208.601	34.190.591.902
- Nguyên giá	228		36.004.517.462	35.868.474.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.278.308.861)	(1.677.882.560)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	29.107.944.870	41.411.736.686
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>762.243.170</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		5.653.026.713	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.890.783.543)	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>93.792.040.997</b>	<b>100.592.684.659</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	14.200.693.842	60.592.684.659
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	110.000.000.000	40.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(30.408.652.845)	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>	<b>17</b>	<b>17.896.602.910</b>	<b>23.403.249.959</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>544.908.865.479</b>	<b>497.759.734.120</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	18	520.790.000.104	481.251.647.876
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	3.420.466.131	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		20.698.399.244	16.508.086.244
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)</b>	<b>280</b>		<b>2.921.341.766.305</b>	<b>3.276.475.772.483</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.888.386.218.276</b>	<b>2.309.023.437.428</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.396.884.180.811</b>	<b>1.542.184.303.370</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	451.274.471.753	372.992.322.969
2. Phải trả người bán	312		839.772.121.469	1.017.796.708.453
3. Người mua trả tiền trước	313		936.485.680	2.680.640.299
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	27.926.748.400	13.455.790.479
5. Phải trả người lao động	315		22.035.290.575	22.008.774.032
6. Chi phí phải trả	316	22	18.861.514.099	22.045.662.630
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	22.438.319.770	83.437.876.227
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.639.229.065	7.766.528.281
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>491.502.037.465</b>	<b>766.839.134.058</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	24	159.009.870.154	158.944.937.604
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	324.844.131.004	605.990.998.870
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		693.588.668	1.903.197.584
4. Quỹ phát triển khoa học kỹ thuật	339		6.954.447.639	-
<b>B. NGUỒN VỐN (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>810.368.084.175</b>	<b>737.546.809.021</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>810.368.084.175</b>	<b>737.111.809.021</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.150.397.684	46.199.153.910
3. Vốn khác thuộc chủ sở hữu	413		5.846.098.031	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		173.944.441.032	127.680.964.804
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		38.787.923.044	25.876.541.443
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		165.639.224.384	157.355.148.864
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>435.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	435.000.000
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>27</b>	<b>222.587.463.854</b>	<b>229.905.526.034</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>2.921.341.766.305</b>	<b>3.276.475.772.483</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
		31/12/2012	31/12/2011
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Khí hóa lỏng - Kg)		1.108.431	244.511
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ		323.326	717.032
- Euro		1.122	91

**Lưu Trọng Nghĩa**  
 Người lập biểu  
 Ngày 28 tháng 2 năm 2013

**Nguyễn Đăng Trình**  
 Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Nhuộm**  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	6.441.716.178.351	5.807.488.499.931
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		66.777.173.218	43.322.664.729
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.374.939.005.133	5.764.165.835.202
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	5.390.866.557.226	4.803.210.342.282
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		984.072.447.907	960.955.492.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	40.301.377.633	48.871.370.759
7. Chi phí tài chính	22	33	145.368.245.550	134.321.388.500
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		117.545.628.974	122.025.373.076
8. Chi phí bán hàng	24		508.966.132.272	374.117.741.462
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		133.528.906.727	120.895.705.436
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		236.510.540.991	380.492.028.281
11. Thu nhập khác	31		44.752.400.449	34.224.400.933
12. Chi phí khác	32		26.369.473.690	21.486.099.274
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	34	18.382.926.759	12.738.301.659
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào công ty liên kết	45		171.469.414	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		255.064.937.164	393.230.329.940
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	46.694.986.009	50.374.850.228
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	19	(3.420.466.131)	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>211.790.417.286</b>	<b>342.855.479.712</b>
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		27	60.511.493.711	104.395.801.875
- Cổ đông của Công ty			151.278.923.575	238.459.677.837
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>36</b>	<b>3.981</b>	<b>6.518</b>

**Lưu Trọng Nghĩa**  
 Người lập biểu  
 Ngày 28 tháng 2 năm 2013

**Nguyễn Đăng Trình**  
 Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Nhuộm**  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	255.064.937.164	393.230.329.940
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	263.072.058.646	190.862.347.821
- Các khoản dự phòng	03	27.756.317.487	17.774.726
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	560.034.544
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(38.208.043.976)	41.370.259.771
- Chi phí lãi vay	06	117.545.628.974	122.025.373.076
<b>3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>625.230.898.295</b>	<b>748.066.119.878</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	104.458.994.884	(112.907.638.323)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(48.347.303.500)	59.901.539.567
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(228.994.840.342)	104.998.840.442
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(28.359.785.431)	(138.032.741.466)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(123.772.328.407)	(105.710.892.142)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(33.480.019.014)	(74.148.696.643)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.918.784.363	435.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(511.248.878)	(65.773.164.180)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>278.143.151.970</b>	<b>416.828.367.133</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(124.916.010.319)	(493.690.538.574)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	18.336.869.538	12.405.736.608
3. Tiền chi cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	23	(19.840.000.000)	-
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư tài chính dài hạn	24	40.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(164.160.858.876)
6. Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức được chia	26	45.778.875.045	33.201.670.675
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(40.640.265.736)</b>	<b>(612.243.990.167)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	264.989.004.212
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	600.288.516.127	843.133.391.805
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(765.236.220.894)	(557.460.833.171)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(40.014.456.444)	(35.841.449.861)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(175.759.412.600)	(83.126.502.377)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(380.721.573.811)</b>	<b>431.693.610.608</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(143.218.687.577)</b>	<b>236.277.987.574</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>586.256.079.122</b>	<b>349.978.091.548</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>443.037.391.545</b>	<b>586.256.079.122</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 37.578.270.197 đồng (năm 2011: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác mà đã được trả trước cho người bán trong năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 17.590.592.639 đồng (năm 2011: 20.908.599.431 đồng), là số tiền mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 4.041.180.116 đồng (năm 2011: 11.462.087.308 đồng), là số tiền lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán với số tiền là 1.247.806.594 đồng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

**Lưu Trọng Nghĩa**  
 Người lập biểu  
 Ngày 28 tháng 2 năm 2013

**Nguyễn Đăng Trình**  
 Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Nhuộm**  
 Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty bao gồm Công ty mẹ và ba công ty con:

#### Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 158.756.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi ngày 24 tháng 2 năm 2011 với vốn điều lệ Công ty được điều chỉnh là 380.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Lầu 4, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty mẹ có các chi nhánh tại Cần Thơ, Nha Trang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Cà Mau, Gia Lai, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Ninh Thuận và Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 351 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 319 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ gồm:

Mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính Công ty); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

#### Các công ty con:

1. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (sau đây gọi tắt là “CNG”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG, quy mô 70.000.000 m<sup>3</sup>/năm; cung cấp các dịch vụ cài tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.
2. Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “VT GAS”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm kể từ ngày 4 tháng 3 năm 1994 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 471023000142 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp theo như điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam là tồn trữ khí hóa lỏng (LPG) và cung ứng cho các hộ tiêu thụ tại Việt Nam; thiết kế, lắp đặt và bảo trì các hệ thống thiết bị sử dụng LPG.
3. Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông (sau đây gọi tắt là “PV GAS SAIGON”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311024733 ngày 28 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông là mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính Công ty); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 5 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ.

##### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán thực tế.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	3 - 4

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Lãi thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty trong trường hợp bên thuê có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê, hoặc trên thời gian đi thuê trong trường hợp thời gian này ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính theo chính sách kế toán của Công ty, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	3 - 6

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền thuê, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn và giá trị quyền thuê. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư này được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng và vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 14 năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ, chi phí bảo trì bình gas, khoản trả trước tiền thuê đất và quyền lợi thế thuê đất, thuê văn phòng, các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

*Phân bổ giá trị vỏ bình gas và chi phí bảo trì bình gas*

Giá trị của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Chi phí bảo trì bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 18 tháng.

*Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng*

Tiền thuê đất, quyền lợi thế thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

*Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác*

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị bộ chuyển đổi CNG và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng của các khoản chi phí trả trước dài hạn đó.

**Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được**

Giá trị còn lại của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền đặt cọc còn lại chưa phân bổ vào doanh thu được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Dự phòng thôi việc phải trả**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	10.619.731.492	7.857.891.384
Tiền gửi ngân hàng	354.417.660.053	339.018.315.616
Tiền đang chuyển	-	434.416.142
Các khoản tương đương tiền	78.000.000.000	238.945.455.980
	<b>443.037.391.545</b>	<b>586.256.079.122</b>

Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Phan Đình Phùng đã phong tỏa số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty ở Ngân hàng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 10 tỷ đồng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 1607LAV201000261 ngày 6 tháng 4 năm 2010 và hợp đồng tín dụng số 1607LAV201000751 ngày 29 tháng 9 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10 tỷ đồng) (xem Thuyết minh số 25) và 1.257.160.000 đồng để đảm bảo cho L/C số 1607 ILS 110700009 ngày 27 tháng 7 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 0 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản trong đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm là 9% (năm 2011: 0,5% đến 14%).

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền cho đại lý vay	500.000.000	-
Cổ phiếu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.100.000.000	3.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	65.300.000.000	105.960.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(550.000.000)
	<b><u>68.900.000.000</u></b>	<b><u>108.510.000.000</u></b>

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền bằng đồng Việt Nam cho đại lý vay đáo hạn vào năm 2013, với lãi suất được hưởng hàng năm là 20,4%; các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng đến một năm với lãi suất được hưởng hàng năm từ 8% đến 11% (năm 2011: 14%) và khoản đầu tư mua 100.000 cổ phiếu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần với giá mua là 31.000 đồng/cổ phiếu.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho vay bằng hàng hóa	-	5.615.654.018
Lãi tiền gửi phải thu	4.041.180.116	11.462.087.308
Góp vốn hợp tác xây văn phòng	11.374.000.000	11.374.000.000
Phải thu khác	10.373.256.989	10.665.301.277
	<b><u>25.788.437.105</u></b>	<b><u>39.117.042.603</u></b>

Đây là khoản góp vốn của Công ty với Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam để thực hiện dự án văn phòng làm việc tại Vũng Tàu. Mọi quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan đến dự án sẽ được phân bổ theo tỷ lệ giá trị góp vốn bằng tiền sau khi dự án hoàn thành.. Dự kiến việc xây dựng văn phòng sẽ hoàn tất vào năm 2013

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	24.239.996.690	29.380.381.716
Nguyên liệu, vật liệu	27.378.458.649	16.358.718.448
Công cụ, dụng cụ	22.423.982.577	1.137.830.640
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	82.698.733	21.302.793
Thành phẩm	1.825.467.666	1.015.484.868
Hàng hóa	47.563.083.091	27.423.547.713
	<b><u>123.513.687.406</u></b>	<b><u>75.337.266.178</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**MẪU B 09-DN**

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2012	353.996.594.465	563.816.514.593	270.466.720.206	11.293.338.668	23.502.882.588	1.223.076.050.520
Mua sắm mới	8.261.864.196	15.569.748.752	28.249.342.727	1.328.081.829	55.350.000	53.464.387.504
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.842.982.664	93.945.582.933	709.090.909	-	-	118.497.656.506
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(5.653.026.713)	-	-	-	-	(5.653.026.713)
Phân loại lại từ chi phí trả trước/hàng tồn kho	1.182.882.293	2.420.078.760	-	170.882.272	-	3.773.843.325
Phân loại lại giữa các loại tài sản	(21.794.893.236)	21.794.893.236	-	-	-	-
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(992.407.204)	-	-	-	(992.407.204)
Thanh lý	(1.054.228.246)	(19.150.812.930)	(133.236.687)	-	-	(20.338.277.863)
Giảm khác	(10.637.829.199)	(3.181.715.395)	(10.525.388.608)	(1.153.068.094)	(133.372.210)	(25.631.373.506)
Tại ngày 31/12/2012	348.144.346.224	674.221.882.745	288.766.528.547	11.639.234.675	23.424.860.378	1.346.196.852.569
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 1/1/2012	70.565.209.317	128.555.078.189	98.501.400.331	7.482.263.526	17.546.025.066	322.649.976.429
Khấu hao trong năm	24.040.402.506	115.855.610.248	72.627.772.092	1.633.576.542	1.718.210.996	215.875.572.384
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(4.212.420.328)	-	-	-	-	(4.212.420.328)
Phân loại lại từ chi phí trả trước	-	188.228.348	-	-	-	188.228.348
Phân loại lại giữa các loại tài sản	(1.846.561.616)	1.846.561.616	-	-	-	-
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(367.558.223)	-	-	-	(367.558.223)
Thanh lý	(332.321.885)	(1.995.381.977)	(74.887.932)	-	-	(2.402.591.794)
Giảm khác	(10.415.925.125)	(3.181.715.395)	(10.525.388.608)	(1.153.068.094)	(133.372.211)	(25.409.469.433)
Tại ngày 31/12/2012	77.798.382.869	240.900.822.806	160.528.895.883	7.962.771.974	19.130.863.851	506.321.737.383
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2012	<b>270.345.963.355</b>	<b>433.321.059.939</b>	<b>128.237.632.664</b>	<b>3.676.462.701</b>	<b>4.293.996.527</b>	<b>839.875.115.186</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>283.431.385.148</b>	<b>435.261.436.404</b>	<b>171.965.319.875</b>	<b>3.811.075.142</b>	<b>5.956.857.522</b>	<b>900.426.074.091</b>

Như trình bày tại các Thuyết minh số 20 và số 25, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 412.884.826.211 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 433.437.291.896 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Đại Dương.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 61.051.025.397 đồng (năm 2011: 59.324.497.904 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2012	231.840.991.977	1.521.235.000	233.362.226.977
Tăng trong năm	52.737.056	-	52.737.056
Tại ngày 31/12/2012	231.893.729.033	1.521.235.000	233.414.964.033
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2012	14.940.035.187	1.113.068.086	16.053.103.273
Khấu hao trong năm	45.664.157.583	253.539.162	45.917.696.745
Tại ngày 31/12/2012	60.604.192.770	1.366.607.248	61.970.800.018
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	171.289.536.263	154.627.752	171.444.164.015
Tại ngày 31/12/2011	216.900.956.790	408.166.914	217.309.123.704

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Giá trị quyền thuê VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2012	28.778.156.884	1.464.370.376	1.337.939.956	4.288.007.246	35.868.474.462
Mua sắm mới	-	-	136.043.000	-	136.043.000
Tại ngày 31/12/2012	28.778.156.884	1.464.370.376	1.473.982.956	4.288.007.246	36.004.517.462
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2012	289.987.380	241.874.797	1.146.020.383	-	1.677.882.560
Khấu hao trong năm	343.355.441	162.707.820	94.363.040	-	600.426.301
Tại ngày 31/12/2012	633.342.821	404.582.617	1.240.383.423	-	2.278.308.861
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	28.144.814.063	1.059.787.759	233.599.533	4.288.007.246	33.726.208.601
Tại ngày 31/12/2011	28.488.169.504	1.222.495.579	191.919.573	4.288.007.246	34.190.591.902

Quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá là 14.732.784.206 đồng và quyền sử dụng đất có thời hạn là 38 năm và 50 năm với nguyên giá là 14.045.372.678 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.036.774.678 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.036.774.678 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HĐTH ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.090.313.088 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.090.313.088 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự án cung cấp CNG cho phương tiện giao thông vận tải	4.948.923.438	25.661.890.531
Dự án cung cấp CNG cho Khách hàng Công nghiệp	1.666.235.616	302.521.955
Công trình cải tạo trạm chiết Dakgas	5.958.020.375	-
Thuê đất ở KCN Hiệp Phước, Bắc Đồng Phú và Nhơn Hội	-	3.724.020.749
Trạm chiết nạp LPG Bình Định	-	10.293.230.981
Trạm chiết nạp LPG Cần Thơ	2.968.057.218	-
Dự án CNG Việt Nam điều chỉnh	-	596.732.240
Dự án CNG Nhơn Trạch - Đồng Nai	-	753.653.909
Dự án cấp khí bằng đường ống	5.361.073.880	-
Trạm chiết nạp LPG Quảng Ngãi	2.860.940.910	-
Công trình khác	5.344.693.433	79.686.321
	<b>29.107.944.870</b>	<b>41.411.736.686</b>

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 1/1/2012	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	5.653.026.713
Tại ngày 31/12/2012	5.653.026.713
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 1/1/2012	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	4.212.420.327
Khấu hao trong năm	678.363.216
Tại ngày 31/12/2012	4.890.783.543
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2012	<b>762.243.170</b>
Tại ngày 31/12/2011	-

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 5 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	57,47%	57,47%	Kinh doanh khí CNG
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	Đồng Nai	55%	55%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN**  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	14.307.460.000	64.307.460.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(106.766.158)	(3.714.775.341)
	<b>14.200.693.842</b>	<b>60.592.684.659</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	31/12/2012	Hoạt động chính
				VND	
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	20%	20%	14.307.460.000	Sản xuất, kinh doanh vỏ bình

Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Bình khí dầu khí Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2010 về việc thống nhất thành lập công ty cổ phần, tổng số vốn Công ty cam kết góp là 14.307.460.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ vốn.

**16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	60.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny (2)	50.000.000.000	-
	<b>110.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

(1) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện số tiền của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, Công ty con, ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ("PVFC Sài Gòn") theo hợp đồng số 43/2012/UTCV/CNGVN-PVFCSG ngày 26/4/2012 với thời hạn 24 tháng. Khoản tiền này được hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đối với các tổ chức kinh tế của PVFC Sài Gòn tại thời điểm ủy thác và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Hợp đồng tiền gửi này được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam, Công ty mẹ, tại PVFC Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 79/2012/HDTD-PVFCSG-PVGASSOUTH ngày 27/4/2012 (xem Thuyết minh số 25).

(2) Thông tin chi tiết về Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	31/12/2012	Hoạt động chính
				VND	
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	14%	14%	50.000.000.000	Cho thuê kho LPG

Theo Quyết định góp vốn số 01/QĐ-KMN ngày 24 tháng 3 năm 2009, tổng số vốn Công ty cam kết góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny là 50 tỷ đồng theo tiến độ thời gian là 3 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ số vốn góp đã cam kết.

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tăng vốn điều lệ nên tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty là 14% (năm 2011: 23,84%). Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny được xem là khoản đầu tư dài hạn khác thay vì là đầu tư vào công ty liên kết như năm trước. Theo đó, khoản đầu tư này được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN**  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny. Chi tiết như sau:

	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn
	VND
Tại ngày 1/1/2012	-
Trích lập dự phòng trong năm	30.408.652.845
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>30.408.652.845</b>

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 1/1/2012 và 31/12/2012

**GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ**

Tại ngày 1/1/2012  
Phân bổ trong năm  
Tại ngày 31/12/2012

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**  
**Tại ngày 31/12/2012**

Tại ngày 31/12/2011

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (1)	405.783.427.399	373.359.499.416
Chi phí bảo trì bình gas	5.893.733.926	3.854.720.778
Trả trước tiền thuê đất dài hạn và lợi thế sử dụng đất (2)	28.904.627.129	26.432.207.490
Chi phí cải tạo văn phòng	8.944.700.850	6.685.078.225
Giá trị bộ chuyển đổi khí CNG	11.572.396.189	16.709.007.026
Trả trước tiền thuê văn phòng (3)	45.406.200.515	46.357.115.711
Chi phí khác	14.284.914.096	7.854.019.230
	<b>520.790.000.104</b>	<b>481.251.647.876</b>

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	373.359.499.416	252.466.881.499
Tăng thêm trong năm	103.744.521.717	174.676.381.976
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(62.625.781.453)	(50.853.754.524)
Thanh lý	(8.694.812.281)	(2.930.009.535)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>405.783.427.399</b>	<b>373.359.499.416</b>

(2) Tiền thuê đất dài hạn và lợi thế sử dụng đất bao gồm:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- Tiền thuê đất tại Gò Dầu, Tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 9.210 m<sup>2</sup> được trả trước 5 năm cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2008;
- Tiền thuê đất tại Gò Dầu, Tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 2.270 m<sup>2</sup> được trả trước 2 năm cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 16,5 năm kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2012;
- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 6.675 m<sup>2</sup> được trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008;
- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Thành phố Cần Thơ phản ánh số tiền thuê 30.000 m<sup>2</sup> trả trước cho Công ty Xây dựng hạ tầng Khu Công nghiệp Cần Thơ với thời hạn thuê là 35 năm kể từ năm 2009; và
- Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 13.000 m<sup>2</sup> đất cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 đến ngày 12 tháng 9 năm 2053.
- Tiền trả cho lợi thế sử dụng khu đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để cấp ở trên được phân bổ 36 tháng kể từ tháng 10 năm 2012.

- (3) Tiền thuê văn phòng phản ánh số tiền thuê 670,02 m<sup>2</sup> được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2010.

**19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Chi phí phải trả và  
 các khoản dự phòng  
**VND**

Tại ngày 1/1/2012	-
Ghi tăng lợi nhuận	3.420.466.131
Tại ngày 31/12/2012	<b>3.420.466.131</b>

**20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012 <b>VND</b>	31/12/2011 <b>VND</b>
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu (1)	18.600.000.000	-
Ngân Hàng Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình (2) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	50.000.000.000	-
Ngân Hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (4)	40.000.000.000	-
Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	10.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	-	101.301.311.006
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	291.235.207.459	232.561.551.559
	41.439.264.294	39.129.460.404
	<b>451.274.471.753</b>	<b>372.992.322.969</b>

- (1) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu theo hợp đồng vay ngày 19 tháng 12 năm 2012 để đầu tư ba bồn chứa khí CNG composite. Khoản vay này đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 1%/năm đối với đồng Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Công ty đã thế chấp tất cả tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay (xem Thuyết minh số 9).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- (2) Khoản vay từ Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình theo hợp đồng tín dụng số 02112/TB-HĐTD ngày 27 tháng 9 năm 2012. Thời hạn vay từ ngày 21 tháng 11 năm 2012 đến ngày 21 tháng 2 năm 2013. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp. Lãi suất kỳ đầu tiên là 12%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- (3) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0147/KH/12NH ngày 29 tháng 10 năm 2012. Thời hạn vay từ ngày 26 tháng 12 năm 2012 đến ngày 26 tháng 6 năm 2013. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp. Lãi suất kỳ đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng kể từ ngày thực tế rút vốn vay theo từng giấy nhận nợ. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- (4) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số HCM/2012/015/TTTD ngày 18 tháng 5 năm 2012. Thời hạn vay từ ngày 26 tháng 12 năm 2012 đến ngày 9 tháng 1 năm 2013. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp. Lãi suất kỳ đầu tiên là 14%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

**21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 <b>VND</b>	31/12/2011 <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.858.916.107	1.829.232.738
Thuế xuất, nhập khẩu	40.000	13.932.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.179.595.350	10.763.319.610
Thuế thu nhập cá nhân	1.888.196.943	849.305.886
	<b>27.926.748.400</b>	<b>13.455.790.479</b>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2011 <b>VND</b>	Số phải nộp <b>VND</b>	Số đã nộp <b>VND</b>	31/12/2012 <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.829.232.738	1.201.952.967.266	(1.200.923.283.897)	2.858.916.107
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	8.073.575.061	(8.075.657.882)	(2.082.821)
Thuế nhập khẩu	13.932.245	1.140.276.172	(1.154.168.417)	40.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.964.628.355	46.694.986.009	(33.480.019.014)	23.179.595.350
Thuế thu nhập cá nhân	849.305.886	10.689.109.414	(9.650.218.357)	1.888.196.943
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	1.363.429.469	(1.363.429.469)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.657.099.224</b>	<b>1.269.914.343.391</b>	<b>(1.254.646.777.036)</b>	<b>27.924.665.579</b>
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	(798.691.255)			(2.082.821)
Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước	13.455.790.479			27.926.748.400

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012 <b>VND</b>	31/12/2011 <b>VND</b>
Lãi tiền vay	11.661.487.348	17.888.186.781
Khác	7.200.026.751	4.157.475.849
	<b>18.861.514.099</b>	<b>22.045.662.630</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chiết khấu bán hàng	13.365.591.937	5.879.664.220
Kinh phí công đoàn	1.499.345.844	57.572.940
Bảo hiểm xã hội	25.141.532	6.394.153
Bảo hiểm y tế	71.648.954	34.807.855
Bảo hiểm thất nghiệp	181.814	11.788.107
Cổ tức phải trả	694.396.594	58.027.480.193
Nhận đặt cọc bình gas	2.125.012.596	-
Các khoản khác	4.657.000.499	19.420.168.759
	<b>22.438.319.770</b>	<b>83.437.876.227</b>

**24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**  
 Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	158.944.937.604	129.298.514.249
Tăng thêm trong năm	35.863.642.456	56.632.547.116
Kết chuyển vào doanh thu	(15.795.149.676)	(24.111.826.540)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ vỏ bình gas với khách hàng	(3.580.960.250)	(48.000.000)
Kết chuyển vào thu nhập khác	(16.422.599.980)	(2.826.297.221)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>159.009.870.154</b>	<b>158.944.937.604</b>

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	175.000.000.000	225.000.000.000
PVFC- Chi nhánh Sài Gòn	200.000.000.000	264.453.640.204
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	28.443.740.793	56.699.769.980
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	121.077.559.790	162.217.101.970
<b>Tổng các khoản vay dài hạn</b>	<b>524.521.300.583</b>	<b>708.370.512.154</b>
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Sacombank	65.384.465.635	84.701.917.931
Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	27.567.735.349	36.997.242.227
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	36.598.588.969	43.141.187.529
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	3.446.512.221	4.471.150.992
<b>Tổng các khoản nợ dài hạn</b>	<b>132.997.302.174</b>	<b>169.311.498.679</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	(291.235.207.459)	(232.561.551.559)
Nợ dài hạn đến hạn trả	(41.439.264.294)	(39.129.460.404)
<b>Tổng cộng</b>	<b>324.844.131.004</b>	<b>605.990.998.870</b>

**Các khoản vay dài hạn**

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay dài hạn từ các Ngân hàng Thương mại và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 496.077.559.790 đồng và 1.025.591 euro. Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay là từ 7,5% đến 15%/năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG, các bồn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

chứa khí, rơ moóc và các kho chứa LPG tại Dung Quất, Gò Dầu. Một số khoản vay theo hình thức tín chấp. Một số khoản vay được thế chấp bằng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán (xem Thuyết minh số 5); nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc thiết bị (xem Thuyết minh số 9); quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi (xem Thuyết minh số 10), và Hợp đồng ủy thác quản lý vốn được ký giữa Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (công ty con) và PVFC - Chi nhánh Sài Gòn (xem Thuyết minh số 16).

**Các khoản nợ dài hạn**

Nợ dài hạn của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, công ty mẹ, bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease, có thời hạn thuê là 5 năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính Sacombank chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng với 4,5% - 5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Á Châu cộng với 4,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam chịu lãi suất cho thuê là 16,5% - 17%/năm. Lãi suất có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng với 4%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, công ty con, ký hợp đồng thuê năm (5) bồn chứa khí CNG composite với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với thời hạn là 36 tháng. Tổng số tiền thuê dự kiến là 42.674.535.360 đồng. Khoản thuê này chịu lãi suất theo lãi suất huy động bình quân của ba ngân hàng (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) cộng tỷ lệ phí thuê tài chính cố định 5%.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	291.235.207.459	232.561.551.559
Trong năm thứ hai	147.791.466.667	299.816.467.575
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	85.494.626.457	175.992.493.020
	<b>524.521.300.583</b>	<b>708.370.512.154</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(291.235.207.459)	(232.561.551.559)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>233.286.093.124</b>	<b>475.808.960.595</b>

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	58.704.828.156	65.745.653.751	41.439.264.294	39.129.460.404
Trong năm thứ 2	52.366.753.637	69.804.459.147	40.724.253.908	49.500.433.586
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	58.164.411.211	100.754.093.904	50.833.783.972	80.681.604.689
	169.235.993.004	236.304.206.802	132.997.302.174	169.311.498.679
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(36.238.690.830)	(66.992.708.123)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	132.997.302.174	169.311.498.679	132.997.302.174	169.311.498.679
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(41.439.264.294)	(39.129.460.404)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>			<b>91.558.037.880</b>	<b>130.182.038.275</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2012	31/12/2011
<b>Được phép phát hành và đã góp vốn đủ</b>		
Số lượng (cổ phần)	38.000.000	38.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
<b>Giá trị (đồng)</b>	<b><u>380.000.000.000</u></b>	<b><u>380.000.000.000</u></b>
<b>Cổ phiếu</b>	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	<u>38.000.000</u>	<u>38.000.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần đó có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	134.000.000.000	35,26	134.000.000.000	35,26
Cổ đông khác	<u>246.000.000.000</u>	<u>64,74</u>	<u>246.000.000.000</u>	<u>64,74</u>
	<b><u>380.000.000.000</u></b>	<b>100</b>	<b><u>380.000.000.000</u></b>	<b>100</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**MẪU B 09-DN**

**Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Nguồn vốn kinh doanh VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác thuộc chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2011	<b>158.756.000.000</b>	<b>2.454.149.698</b>	-	<b>104.188.557.128</b>	<b>13.022.716.368</b>	<b>72.217.850.209</b>	<b>350.639.273.403</b>
Tăng vốn trong năm	221.244.000.000	43.745.004.212	-	-	-	-	264.989.004.212
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	238.459.677.837	238.459.677.837
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(125.753.213.403)	(125.753.213.403)
Phân phối quỹ	-	-	-	8.784.448.867	12.853.825.075	(60.003.200.266)	(38.364.926.324)
Điều chỉnh khác	-	-	-	14.707.958.809	-	32.434.034.487	47.141.993.296
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>46.199.153.910</b>	-	<b>127.680.964.804</b>	<b>25.876.541.443</b>	<b>157.355.148.864</b>	<b>737.111.809.021</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	151.278.923.575	151.278.923.575
Trả cổ tức cho cổ đông Công ty mẹ	-	-	-	-	-	(41.800.000.000)	(41.800.000.000)
Trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(68.607.926.682)	(68.607.926.682)
Phân phối quỹ	-	-	10.172.434.367	59.601.484.932	17.558.057.718	(87.331.977.017)	-
Phân phối quỹ cho cổ đông thiểu số	-	-	(4.326.336.336)	(13.338.008.704)	(4.646.676.117)	22.311.021.157	-
Điều chỉnh khác (*)	-	(48.756.226)	-	-	-	32.434.034.487	32.385.278.261
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>46.150.397.684</b>	<b>5.846.098.031</b>	<b>173.944.441.032</b>	<b>38.787.923.044</b>	<b>165.639.224.384</b>	<b>810.368.084.175</b>

(\*) Năm 2011, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Công ty con, tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối, khoản này được điều chỉnh qua lợi nhuận chưa phân phối khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam**

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã phê duyệt chia cổ tức của năm 2011 với tổng số tiền là 87,4 tỷ đồng. Hội đồng Quản trị Công ty đã công bố chia số cổ tức này cho các cổ đông trong năm 2011 và năm 2012 theo các Nghị quyết số 10/NQ-KMN ngày 8 tháng 12 năm 2011 và Nghị quyết số 05/NQ-KMN ngày 15 tháng 5 năm 2012 lần lượt với số tiền là 45,6 tỷ đồng và 41,8 tỷ đồng. Cũng theo Nghị quyết số 01 này, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 29.084.181.832 đồng, Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 7.385.623.351 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 16.871.370.118 đồng, và Quỹ thường Ban điều hành với số tiền là 200.000.000 đồng.

**Công ty con - Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Tại nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2011 của Đại hội Đồng cổ đông bất thường ngày 13 tháng 9 năm 2011, cổ đông Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên sau khi hoàn thành việc tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu. Tỉ lệ phát hành không vượt quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành (dự kiến tối đa 1.015.621 cổ phần). Số lượng cụ thể cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định. Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 1 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã phê duyệt phương án phát hành 1.015.600 cổ phần, tương đương 10.156.000.000 đồng. Đến ngày 20 tháng 2 năm 2012, số cổ phần phát hành thêm đã được cán bộ công nhân viên Công ty góp đủ. Vào ngày 15 tháng 3 năm 2012, số cổ phần tương ứng với phần vốn tăng thêm đã được Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận nguyên tắc niêm yết bổ sung.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 6 tháng 4 năm 2012, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã chi trả cổ tức đợt 3 năm 2011 bằng tiền mặt với tỷ lệ 45%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 95.974.371.000 đồng.

Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 19 tháng 8 năm 2012, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 31.991.457.000 đồng.

Trong năm, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã trích lập Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (Vốn khác thuộc chủ sở hữu), Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 10.172.434.367 đồng, 30.517.303.100 đồng, 10.172.434.367 đồng và 7.312.943.676 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 6 tháng 4 năm 2012.

**Công ty con - Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam**

Theo Quyết định của Hội đồng Thành viên ngày 24 tháng 2 năm 2012, Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam đã công bố chia cổ tức với tổng số tiền là 50 tỷ đồng (năm 2011: 0 đồng), số cổ tức này đã được trả bằng tiền mặt trong năm. Ngoài ra, Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam đã trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 3.777.002.359 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2011.

**27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	VT GAS VND	CNG VND	PV GAS SAIGON VND	Tổng VND
Vốn điều lệ của công ty con	57.895.360.840	213.276.380.000	100.000.000.000	
Trong đó:				
Vốn phân bổ cho cổ đông của Công ty	31.843.596.851	122.573.643.296	100.000.000.000	
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	26.051.763.989	90.702.736.704	-	
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>45,00%</b>	<b>42,53%</b>		

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	VT GAS VND	CNG VND	PV GAS SAIGON VND	Tổng VND
Tài sản thuần				
Chi tiết như sau:				
Vốn điều lệ	57.895.360.840	213.276.380.000	100.000.000.000	371.171.740.840
Vốn thặng dư	-	1.695.680.000	-	1.695.680.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	32.991.866.474	-	-	32.991.866.474
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	10.172.434.367	-	10.172.434.367
Quỹ đầu tư phát triển	-	43.002.859.341	-	43.002.859.341
Quỹ dự phòng tài chính	-	21.313.447.579	-	21.313.447.579
Lợi nhuận chưa phân phối	44.087.662.993	91.106.206.081	15.313.894.906	150.507.763.980
	<b>134.974.890.307</b>	<b>380.567.007.368</b>	<b>115.313.894.906</b>	<b>630.855.792.581</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số

Chi tiết như sau:

	VT GAS VND	CNG VND	PV GAS SAIGON VND	Tổng VND
Vốn điều lệ	26.051.763.989	90.702.736.704	-	116.754.500.693
Vốn thặng dư	-	721.172.704	-	721.172.704
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	14.845.685.500	-	-	14.845.685.500
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	4.326.336.336	-	4.326.336.336
Quỹ đầu tư phát triển	-	18.289.116.078	-	18.289.116.078
Quỹ dự phòng tài chính	-	9.064.609.255	-	9.064.609.255
Lợi nhuận chưa phân phối	19.838.573.842	38.747.469.446	-	58.586.043.288
	<b>60.736.023.331</b>	<b>161.851.440.523</b>	<b>-</b>	<b>222.587.463.854</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	VT GAS VND	CNG VND	PV GAS SAIGON VND	Tổng VND
Lợi nhuận trong năm	23.017.601.693	117.926.239.165	16.674.856.874	157.618.697.732
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	10.357.464.194	50.154.029.517	-	60.511.493.711

**28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí LPG và khí CNG. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa bình gas, và cho thuê kho. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (năm 2012 là 2%, năm 2011 là 2%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 29 và số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu khí hóa lỏng	4.726.380.295.849	4.188.698.690.706
Doanh thu xăng dầu nhớt	117.322.396.402	114.310.326.177
Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	15.795.149.676	13.094.789.954
Doanh thu khí CNG	1.565.196.782.560	1.481.556.888.346
Doanh thu khác	17.021.553.864	9.827.804.748
	<b>6.441.716.178.351</b>	<b>5.807.488.499.931</b>

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn kinh doanh khí hóa lỏng	4.251.122.370.648	3.844.497.827.028
Giá vốn kinh doanh xăng dầu nhớt	114.272.262.967	110.689.882.714
Phân bổ vỏ bình gas	42.054.623.520	30.389.339.856
Giá vốn kinh doanh khí CNG	957.806.998.397	790.420.706.090
Giá vốn hoạt động khác	25.610.301.694	27.212.586.594
	<b>5.390.866.557.226</b>	<b>4.803.210.342.282</b>

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	437.603.026.547	355.482.556.445
Chi phí nhân công	158.267.290.179	120.083.701.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.151.554.895	187.048.343.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.309.224.545	257.053.296.828
Chi phí khác	87.789.867.814	52.765.367.875
	<b>1.285.120.963.980</b>	<b>972.433.265.510</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU B 09-DN**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.037.967.853	41.865.839.693
Cổ tức được chia	320.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.943.409.780	3.545.876.163
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.459.654.903
	<b>40.301.377.633</b>	<b>48.871.370.759</b>

**33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền vay	117.545.628.974	122.025.373.076
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	26.820.754.050	255.120.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	822.234.537	3.524.765.673
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	560.034.544
Lỗ do đầu tư vào công ty con	-	5.932.672.372
Chi phí hoạt động tài chính khác	179.627.989	2.023.422.397
	<b>145.368.245.550</b>	<b>134.321.388.500</b>

**34. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17.666.561.924	14.229.669.957
Thu từ dịch vụ quản lý kho	4.261.782.336	4.616.930.864
Thu từ tiền đặt cọc vô bình do thanh lý hợp đồng đại lý	2.807.640.250	1.331.102.500
Phân bổ tiền ký quỹ, ký cược vô bình gas	16.422.599.980	12.492.339.721
Thu nhập khác	3.593.815.959	1.554.357.891
Tổng cộng	44.752.400.449	34.224.400.933

Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	17.816.485.801	12.395.297.332
Giá trị còn lại của vô bình không hoàn lại do thanh lý hợp đồng đại lý	2.984.047.992	2.903.849.170
Chi phí khác	5.568.939.897	6.186.952.772
Tổng cộng	26.369.473.690	21.486.099.274

<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>18.382.926.759</b>	<b>12.738.301.659</b>
-----------------------	-----------------------	-----------------------

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 VND	2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp	42.987.648.648	47.980.018.621
Thuế TNDN bổ sung sau quyết toán	-	87.215.607
Thuế TNDN bổ sung sau kiểm toán Nhà nước	-	113.094.114
Thuế TNDN bổ sung cho hoạt động kinh doanh CNG	3.707.337.361	2.194.521.886
	<b>46.694.986.009</b>	<b>50.374.850.228</b>

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, công ty mẹ, có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG hiệu chỉnh số 49221000148 ngày 6 tháng 6 năm 2011, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được miễn thuế một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU B 09-DN**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

chịu thuế. Công ty mẹ đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010 để được hưởng ưu đãi miễn thuế cho năm 2010. Theo đó, năm 2012 được xem là năm thứ ba hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế. Vì thế, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam được hưởng ưu đãi thuế là giảm 50%. Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã xác định lại tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động kinh doanh CNG theo các quy định hiện hành là 25% trong suốt thời gian hoạt động, thay vì là 20% như trước đây. Vì vậy, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung cho hoạt động kinh doanh khí CNG năm 2009 (năm bắt đầu hoạt động) và năm 2011.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam và Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông, các công ty con, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

**36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012	2011
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	151.278.923.575	238.459.677.837
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>151.278.923.575</b>	<b>238.459.677.837</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.000.000	36.586.497
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>3.981</b>	<b>6.518</b>

**37. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	8.055.919.334	2.722.194.323

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng 1 năm	6.457.498.192	5.728.779.165
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.142.794.442	13.264.703.674
Sau 5 năm	9.029.370.000	51.119.857.756
	<b>20.629.662.634</b>	<b>70.113.340.595</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất, xe, văn phòng và cơ sở hạ tầng, bao gồm:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Tỉnh Quảng Ngãi với giá thuê hàng tháng là 2.160 Đô la Mỹ. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 1 tháng 11 năm 2010.
- Tổng số tiền thuê xe với giá thuê hàng tháng là 8.500 Đô la Mỹ. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 1 tháng 7 năm 2011.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- Tổng số tiền thuê 10.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/m<sup>2</sup> theo hợp đồng thuê số 41/HDT/TLĐ/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê 13.180 m<sup>2</sup> đất tại cảng Đồng Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 4,95 đô la Mỹ/m<sup>2</sup> từ ngày 1 tháng 5 năm 2007 đến ngày 30 tháng 4 năm 2008 và sẽ tăng hàng năm với tỷ lệ là 1% cho đến ngày 30 tháng 4 năm 2012. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 20 năm tính từ năm 1994.
- Tổng số tiền thuê 5.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 0,82 đô la Mỹ/m<sup>2</sup>. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 13 năm tính từ ngày 1 tháng 7 năm 2002.
- Tổng số tiền thuê văn phòng 247 m<sup>2</sup> tại tòa nhà Waseco, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê hàng tháng là 331.810 đồng/m<sup>2</sup>. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2011.
- Tổng số tiền thuê đất 100 m<sup>2</sup> tại Tỉnh Quảng Trị với giá thuê hàng tháng là 8.500.000 đồng/m<sup>2</sup>. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2011 đến ngày 1 tháng 3 năm 2014.
- Tổng số tiền thuê xe với giá thuê hàng tháng là 1.500 Đô la Mỹ. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 20 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ, ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 25, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền như đã trình bày tại Thuyết minh số 5), và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	776.118.602.757	978.983.321.839
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(443.037.391.545)	(586.256.079.122)
Nợ thuần	333.081.211.212	392.727.242.717
Vốn chủ sở hữu	1.032.955.548.029	967.452.335.055
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<b>0.32</b>	<b>0.41</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.037.391.545	586.256.079.122
Các khoản đầu tư	128.900.000.000	148.510.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	517.800.394.126	583.394.308.485
Các khoản ký quỹ	22.536.209.335	28.148.107.993
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.112.273.995.006</b>	<b>1.346.308.495.600</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	860.614.123.095	1.101.124.021.625
Chi phí phải trả	18.861.514.099	22.045.662.630
Các khoản vay	776.118.602.757	978.983.321.839
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	159.009.870.154	158.944.937.604
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.814.604.110.105</b>	<b>2.261.097.943.698</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm có rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	6.680.258.146	14.934.307.381	10.006.539.237	10.473.212.254
Euro (EUR)	1.000.005.087	165.477.275	29.429.044.908	62.444.457.077

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

	2012 VND	2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	332.628.109	446.109.513
Euro (EUR)	2.842.903.982	6.227.897.980
	<b>3.175.532.091</b>	<b>5.781.788.467</b>

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng hợp số liệu của khoản tài sản tài chính hưởng lãi (các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn) của Công ty được trình bày tại thuyết minh số 5, số 6 và số 16 của Thuyết minh này. Chính sách của công ty là duy trì các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn hưởng lãi suất cố định.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm/tăng 15.522.372.055 đồng (2011: 19.579.666.437 đồng).

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc đánh giá rằng, tại ngày kết thúc niên độ kế toán, rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện ở số dư khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" trên Bảng cân đối kế toán.

**Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.037.391.545	-	-	443.037.391.545
Các khoản đầu tư	68.900.000.000	60.000.000.000	-	128.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	517.800.394.126	-	-	517.800.394.126
Các khoản ký quỹ	1.837.810.091	20.698.399.244	-	22.536.209.335
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.031.575.595.762</b>	<b>80.698.399.244</b>	-	<b>1.112.273.995.006</b>

<b>31/12/2012</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	860.614.123.095	-	-	860.614.123.095
Chi phí phải trả	18.861.514.099	-	-	18.861.514.099
Các khoản vay	451.274.471.753	324.844.131.004	-	776.118.602.757
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	159.009.870.154	159.009.870.154
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.330.750.108.947</b>	<b>324.844.131.004</b>	<b>159.009.870.154</b>	<b>1.814.604.110.105</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(299.174.513.185)</b>	<b>(244.145.731.760)</b>	<b>(159.009.870.154)</b>	<b>(702.330.115.099)</b>
-------------------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2011</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	586.256.079.122	-	-	586.256.079.122
Các khoản đầu tư	108.510.000.000	40.000.000.000	-	148.510.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	583.394.308.485	-	-	583.394.308.485
Các khoản ký quỹ	7.368.708.749	20.779.399.244	-	28.148.107.993
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.285.529.096.356</b>	<b>60.779.399.244</b>	-	<b>1.346.308.495.600</b>

<b>31/12/2011</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.101.124.021.625	-	-	1.101.124.021.625
Chi phí phải trả	22.045.662.630	-	-	22.045.662.630
Các khoản vay	372.992.322.969	605.990.998.870	-	978.983.321.839
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	158.944.937.604	158.944.937.604
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.496.162.007.224</b>	<b>605.990.998.870</b>	<b>158.944.937.604</b>	<b>2.261.097.943.698</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(210.632.910.868)</b>	<b>(545.211.599.626)</b>	<b>(158.944.937.604)</b>	<b>(914.789.448.098)</b>
-------------------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp do hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh 39. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	3.381.089.171	2.460.111.478
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí	69.826.823	1.714.920
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	4.261.782.338	5.050.335.188
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Biển	120.747.354	31.749.302
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	1.125.697.876	4.096.359
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	156.203.820	28.699.199
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	302.865.216.146	2.195.900.000
Công ty Cổ phần TMDV Dầu khí Miền Trung	912.068.633	123.673.439
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	12.682.148.173	44.035.214
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.742.310.317	19.771.618



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Dịch vụ Khí	1.287.840.204	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	510.141.600	42.914.363
Nhà máy đạm Phú Mỹ	1.499.578.182	19.376.082
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	1.255.252.724	-
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.480.067.954	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	-	991.924.540
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	203.271.801.725	2.025.912.903

**Mua hàng và dịch vụ**

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	1.611.734.174.337	1.891.241.273.837
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	75.295.066.000	105.983.009.272
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	8.704.043.808	1.381.805.625
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	855.366.022	1.086.727.580
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Khí Vũng Tàu	87.016.803.636	-
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	279.529.375.694	310.510.289.468
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Biển	1.521.602.595	1.108.996.281
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	658.525.909	217.230.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Phí nhãn hiệu)	3.618.104.578	11.246.217.156
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	465.175.913.065	350.131.766.612
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.705.237.637.103	1.813.177.969.018
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	-	15.920.319.761
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	2.851.085.905
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	46.105.883.196

<b>Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc</b>	<b>5.640.186.892</b>	<b>3.585.052.579</b>
---	----------------------	----------------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND

**Phải thu**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	26.327.420.937	18.793.092.565
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	11.039.000	2.158.712
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	388.120.725	50.021.100
Công ty Cổ phần TMDV Dầu khí Miền Trung	218.622.060	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	30.395.794	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	121.224.400	2.962.447
Công ty Dịch vụ Khí	64.487.525	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	135.280.000	-
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	22.802.750	331.208
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc	225.761.048	167.344.013

**Phải thu khác**

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	11.374.000.000	11.374.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí	8.322.775	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	1.090.877.209	1.090.877.209

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**Phải trả**

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
- Vay dài hạn và ngắn hạn	375.000.000.000	569.685.661.972
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam		
- Phí sử dụng nhãn hiệu	-	2.249.243.431
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	222.078.317.215	400.594.392.693
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	5.288.289.441	18.755.114.942
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Trung	84.936.000	138.765.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu khí Vũng Tàu	1.294.168.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	78.408.552	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	326.363.054	-
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	60.341.347.296	96.905.438.299
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	207.837.217.224	147.400.074.566
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	768.126.145	3.768.126.145
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	657.066.463	-
Công ty Bảo Hiểm Dầu khí Vũng Tàu	-	21.731.491
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	31.522.060
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	302.308.348.438	281.560.510.742

**Tiền gửi có kỳ hạn**

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	85.300.000.000	124.000.000.000
---	----------------	-----------------

**40. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 28 tháng 2 năm 2013.

**Lưu Trọng Nghĩa**  
Người lập biểu  
Ngày 28 tháng 2 năm 2013

**Nguyễn Đăng Trình**  
Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Nhuộm**  
Tổng Giám đốc



# CHI NHÁNH - CÔNG TY THÀNH VIÊN

## 1. CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

- **CHI NHÁNH ĐỒNG NAI**  
Cảng Gò Dầu A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành,  
Tỉnh Đồng Nai  
Tel : (061) 3543949 \* Fax : (061) 3543948
- **CHI NHÁNH CẦN THƠ**  
Lô II.5, II.6 Khu Công Nghiệp II, Trà Nóc, Cần Thơ  
Tel : (0710) 3843064 - 3843067  
Fax : (0710) 3843063 - 3843066
- **CHI NHÁNH TIỀN GIANG**  
Cụm CN, Tiểu Thủ CN Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Tp.  
Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
Tel : (073) 3958455 \* Fax : (073) 3958445
- **CHI NHÁNH VĨNH LONG**  
138C Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, Thị xã Vĩnh Long,  
Tỉnh Vĩnh Long  
Tel : (070) 3877276 \* Fax : (070) 3877276
- **CHI NHÁNH CÀ MAU**  
18/4 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Tp. Cà Mau,  
Tỉnh Cà Mau  
Tel : (0780) 3552991 \* Fax : (0780) 3552991
- **CHI NHÁNH NHA TRANG**  
157, Tổ 2, P. Xóm Núi, Xã Vinh Phương, TP. Nha Trang  
Tel : (058) 3725112 - 3725222  
Fax : (058) 3725113
- **CHI NHÁNH NINH THUẬN**  
414 Ngô Gia Tự, TP. Phan Rang, Tháp Chàm,  
Tỉnh Ninh Thuận
- **CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI**  
Tầng 3 tòa nhà Petrosetco, 01 An Dương Vương,  
Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.  
Tel : (055) 3718182 - 3718183 \* Fax : (055) 3718185
- **CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH**  
Lô D601, Khu CN Nhơn Hội A,  
Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- **CHI NHÁNH GIA LAI**  
Lô D4 KCN Trà Đa, Xã Trà Đa, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai  
Tel : (059) 3735678 \* Fax : (059) 3735123

## 2. CTY TNHH MTV KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN ĐÔNG

45-47 Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp, Tp. HCM  
Tel : (08) 62955608 - 62955609 - 62955345 - 39855546  
Fax: (08) 38941550 - 39856481 - 39855543

### CHI NHÁNH SÀI GÒN

45-47 Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp, Tp. HCM  
Tel : (08) 62955608 - 62955609 - 62955345 - 39855546  
Fax: (08) 38941550 - 39856481 - 39855543

### CHI NHÁNH VŨNG TÀU

449 Nguyễn An Ninh, P. 9, TP. Vũng Tàu  
Tel : (064) 3597225 - 3834766  
Fax : (064) 3591386

### CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC

Lô G, Đường N4, KCN Bắc Đồng Phú, TT. Tân Phú,  
Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước  
Tel : (0651) 3826228 \* Fax : (0651) 3826229

### CHI NHÁNH TÂY NINH

262 Nguyễn Lương Bằng, Ấp Trường Đức,  
Xã Trường Đông, H. Hòa Thành, T. Tây Ninh  
Tel : (066) 3762903 - 3762903 \* Fax : (066) 3845495

### CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

Thôn 8, Xã Hòa Phú, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
Tel : (0500) 3949123 \* Fax : (0500) 3686444

## 3. CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

### CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

CNG Vietnam Joint Stock Company  
Số 351 đường 30/4, P. 9, Tp. Vũng Tàu  
Nhà máy: Khu Công Nghiệp, Phú Mỹ 1, Đường số 15,  
Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu  
Tel : (064) 3574635 \* Fax : (064) 3574619  
Email: info@cng-vietnam.com \* Website: www.cng-vietnam.com

### CÔNG TY TNHH KHÍ HÓA LỎNG VIỆT NAM (VT-Gas)

Cảng Đồng Nai, P. Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.  
Tel : (061) 3831988 \* Fax : (061) 3832008  
Email: info@vt-gas.com.vn \* Website: www.vt-gas.com.vn  
**Văn phòng đại diện:**  
Phòng 606, tòa nhà Waseco, 10 Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Tel : (08) 39976821 - (08) 39976822 \* Fax : (08) 39976823

## 4. CÔNG TY LIÊN KẾT

### CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH KHÍ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: Ấp Thanh Hóa, Xã Hố Nai 3, Trảng Bom, Đồng Nai  
Tel: (061) 367 4320





# ANNUAL REPORT